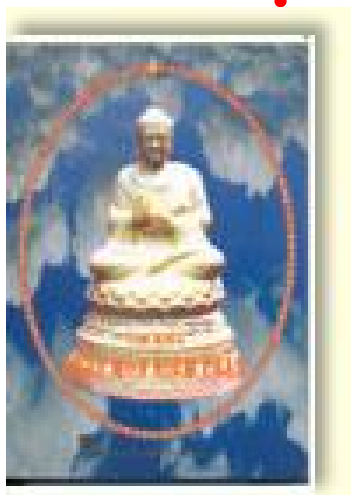


Tìm Hiểu Pháp Môn Niệm Phật



Tác giả: Hộ Pháp

---o0o---

Nguồn

<http://www.trungtamhotong.org>

Chuyển sang ebook 02-11-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NGỎ

LỜI TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI NÓI ĐẦU

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

TIẾN HÀNH NIỆM ĐỀ MỤC ÂN ĐỨC PHẬT

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT PHỔ THÔNG

Ý NGHĨA ÂN ĐỨC PHẬT

---o0o---

LỜI NGỎ

Tất cả Phật tử chúng con có được duyên lành niệm Ân Đức Phật là do nhờ các bậc Thầy Tổ tiền bối, nhất là Ngài sư Tổ Hộ Tông, có công đem Phật giáo Nam Tông Theravada về truyền bá ở quê hương thân yêu.

Tất cả chúng con thành kính tri ân.

---o0o---

LỜI TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT

*Chúng con thật vô cùng hoan hỷ được biết quyển "**Tìm hiểu Pháp Môn Niệm Phật**" đã hết rồi! Có một số Phật tử gửi thư đến thỉnh sách tại Tổ Đình Bửu Long, còn có số khác tự mình đích thân đến thỉnh quyển sách này.*

Thật rất tiếc! Tổ Đình Bửu Long chưa đáp ứng được nhu cầu của quý vị, đã làm mất thì giờ quý báu, rất mong quý vị thông cảm.

*Điều không ngờ, với một số lượng sách nhiều như vậy, mà chỉ trong thời gian ngắn đã thỉnh hết rất nhanh. Điều đó chứng tỏ rằng: "**Phần đông Phật tử đã ưa thích món quà pháp này**". Thật đáng vui mừng!*

Nhân dịp này, chúng con xin báo cho chư thí chủ trước đã ấn tống quyển sách này rằng: "Món quà pháp, món ăn tinh thần, của quý vị đã được phần đông bậc thiện trí thưởng thức hết rồi, không phí hoài chút nào cả. Chắc chắn phước thiện pháp thí của chư thí chủ tăng trưởng theo thời gian và không gian trong kiếp hiện tại và vô lượng kiếp vị lai.

Để đáp ứng nhu cầu của chư thiện trí chúng con đến trình Ācariya Hộ Pháp xin phép được tái bản; Ācariya rất hoan hỷ đồng ý cho tái bản quyển sách này. Như vậy, thỉnh nguyện của chúng con được thành tựu. thay mặt chư thí chủ chúng con xin được tỏ lòng biết ơn.

**Thay mặt chư thí chủ
Dhammanandā Upasikā**

---o0o---

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc Arahán,
bậc Chánh Đẳng Giác.

---o0o---

NIỆM ÂN ĐỨC TAM BẢO

*"Aranne rukkhamūle và,
sunnàgàre va bhikkhavo.
Anussaretha Sambuddham,
bhayam tumhàka no siyà.
No ce Buddham sareyyàtha,
lokajettham naràsabham.
Atha dhammam sareyyàtha,
niyyànikam sudesikam.
No ce dhammam sareyyàtha,
niyyànikam sudesikam.
Atha samgham sareyyàtha,
punnakkhettam anuttaram.
Evam Buddham sarantànam,
dhammam samghanca bhikkhavo.
Bhayam và chambhitattam và,
lomahamso na hessati".*

(Samyuttanikàya, phần Sagàthàvagga, kinh Dhajaggasutta)

*"Này chư Tỳ khuru!
Ở nơi rừng sâu, nơi cội cây,
Nơi thanh vắng, trong am vô chủ,
Các con niệm tưởng đến Đức Phật,
Sợ hãi không sanh đến các con.*

*Nếu không niệm tưởng đến Đức Phật,
Bậc vô thượng cao cả chúng sinh,
Các con niệm tưởng đến Đức Pháp,
Mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng.
Nếu không niệm tưởng đến Đức Pháp,
Mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng,
Các con niệm tưởng đến Đức Tăng,
Phước điền cao thượng của chúng sinh.
Này chư Tỳ khuru!
Đối với các con thường niệm tưởng.
Đức Phật, Đức Pháp và Đức Tăng,
Sợ hãi run sợ, rớt tóc gáy,
Không bao giờ sanh đến các con!*

*Con thành kính đánh lễ Tam bảo,
Biên soạn tập "**Pháp Môn Niệm Phật**".*

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

*Đọc tập sách hướng dẫn "**Pháp Môn Niệm Phật**" của sư Hộ Pháp, tôi vô cùng hoan hỷ, vì đó là pháp môn mà tôi vẫn thường hành trong quá trình tu tập của mình.*

Thật tình mà nói, lúc đầu thực hành pháp môn niệm Phật tôi hơi có mặc cảm. Lý do là mặc dù cố gắng hành thiền Vipassanà nhưng tôi chỉ hành được vào những lúc thích hợp chứ không thể hành liên tục trong mọi sinh hoạt hằng ngày. Tôi nghĩ có lẽ tâm mình còn thiếu định lực nên thỉnh thoảng tôi dùng một đề mục thiền định để cố gắng định tâm, cũng có một vài kết quả khiêm tốn đáng mừng nhưng tôi vẫn chưa đi sâu vào thế giới tâm Đại Hành một cách kiên cố được. Vậy là tôi quay qua thử nghiệm pháp môn

niệm Phật để có thể nhiếp tâm bất cứ lúc nào. Tuy nhiên tôi vẫn ít nhiều có cảm tưởng là pháp hành của mình càng ngày càng đi xuống!

Lúc đầu tôi niệm Phật trong tâm chứ không dùng tràng hạt vì nghĩ rằng việc gì mình lại phải lệ thuộc vào một xâu chuỗi. Về sau, mấy lần qua Miến Điện, Thái Lan tôi ngạc nhiên khi thấy nhiều vị Cao Tăng, nhiều vị Thiền Sư nổi tiếng ở những trung tâm thiền Vipassanà tại các xứ Phật giáo hưng thịnh này vẫn thường sử dụng tràng hạt. Cảm động nhất là mỗi tối, mỗi sáng khi đến các ngôi bảo tháp như Shwedagon, Kyaikhiiyo... tôi đều thấy chư Tăng và Phật tử tụ họp đông đảo trong không khí tĩnh tại tu hành: người niệm kinh, người ngồi thiền, người lễ bái và có khá nhiều vị ngồi lần tràng hạt với nét mặt hết sức thành kính, trang nghiêm và thanh thoát. Thế là tôi về thử lần chuỗi xem sao thì thấy phương tiện này quả là thiện xảo, nó giúp chúng ta tiến đến "thân tâm nhất như" một cách dễ dàng, nhờ thân và tâm khéo điều hợp với nhau một cách nhịp nhàng, đồng điệu.

Điều kiện cơ bản của thiền Vipassanà là "thân tâm nhất như" nghĩa là chánh niệm tỉnh giác phải trọn vẹn trên thân - thọ - tâm - pháp, không hai, không khác tức là không thất niệm, phân tâm, dị tưởng. Để được điều kiện đó thì không gì bằng pháp môn niệm Phật. Khi tâm đã được định tĩnh trong sáng thì việc hành Vipassanà trở nên dễ dàng tự nhiên không cần khăn trương cố gắng nữa. Nếu chúng ta cố gắng quá sức để hành Vipassanà với mong cầu đạt đến tuệ này tuệ khác thì coi chừng bị ảo tưởng của chính mình đánh lừa mà cứ tưởng là đã thấy được thật tánh của pháp. Tinh tấn chưa tới hoặc quá mức thì chánh niệm thường bị dị tưởng xen vào thay vì tỉnh giác. Nếu đó là tạp tưởng thì chẳng thể nào nắm bắt được đối tượng thật tánh, còn nếu đó là sắc tưởng thì dễ làm ấn chứng của thiền định là tuệ này tuệ kia, biến thiền tuệ thành sở đắc rồi sinh ra ngã mạn, tà kiến, tai hại không sao lường được, vì chưa tới mà tưởng đã hành xong.

Cũng có một loại tưởng khác khá nguy hiểm phát xuất từ kiến thức có trước về pháp hành Vipassanà. Dem tưởng tri có trước này để đi tìm thật tánh thì chỉ thấy bản sao kiến thức của mình chứ không thể nào phát sinh trí tuệ Vipassanà như chân như thật được.

Sở dĩ hành giả bị đánh lừa như vậy là vì chưa đủ cơ bản tâm để vào được thiền Vipassanà, lúc bấy giờ pháp môn niệm Phật sẽ giúp hành giả chuẩn bị đầy đủ hành trang đi vào thật tánh.

Nhờ pháp môn niệm Phật tôi mới có đủ tâm tĩnh để biết mình đã sai lầm khi nghĩ rằng phải hành Vipassanà liên tục mới là hành rốt ráo. Đồng thời tôi không còn mặc cảm khi biết rằng các vị Thiền Sư danh tiếng vẫn tùy nghi tùy lúc sử dụng pháp môn niệm Phật, niệm tâm từ, niệm sự chết, niệm bất tịnh... xen kẽ vào pháp hành Vipassanà như tôi đã tự mình tùy cơ ứng biến.

Chúng ta có thể dự một hai khóa thiền ở một trung tâm thiền định hoặc thiền Vipassanà trong một thời gian nhất định nào đó, nhưng không thể cứ áp dụng bài bản như vậy trong suốt cả đời mình. Mục đích thiền Vipassanà là để thấy tánh (thật tánh pháp) bằng trí tuệ, nhưng trong đời sống hằng ngày chúng ta còn phải đối đầu với biết bao nhiêu khê của thế giới tục đế (sammutisacca). Do đó, ngoài Vipassanà Đức Phật còn dạy rất nhiều pháp môn khác để chúng ta có thể tùy cơ ứng xử.

Điều quan trọng là phải biết mình - biết căn cơ trình độ của mình - để thể hiện một pháp môn đúng chỗ đúng thời. Còn thấy tánh là để giúp chúng ta không bị rơi vào các tướng chế định của thế gian hay ứng hiện từ tướng tri nội tại, nhờ đó chúng ta thoát khỏi cái lưới thủ, hoặc, triền... của vô minh, tà kiến.

Tóm lại, phương tiện nào vừa hợp với chánh pháp vừa hợp với trình độ của chúng sinh, có thể trợ duyên hay đưa đến mục đích giác ngộ giải thoát đều là phương tiện thiện xảo, lợi lạc quần sinh.

Sư Hộ Pháp đã từng du học Thái Lan, Miến Điện gần 29 năm, đã học được những điều hay lẽ đẹp từ các nước thủ phủ của Phật Giáo Nam Tông này đem về đóng góp vào việc xây dựng Phật Giáo Nam Tông Việt Nam, vốn còn non trẻ trên đất nước chúng ta.

Pháp Môn Niệm Phật là một trong những đóng góp thiết thực mà tôi mong rằng sẽ đem lại nhiều lợi lạc cho chư Tăng, Phật tử trên đường tu học và hoằng dương chánh pháp.

Tổ Đình Bửu Long, mùa an cư 2545

Tỳ kheo Viên Minh

(Trụ trì Tổ Đình Bửu Long)

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Pháp hành thiền định có tất cả 40 đề mục, trong đó có 4 đề mục cơ bản cho tất cả hành giả tiến hành thiền định và tiến hành thiền tuệ.

Bốn đề mục ấy là:

1- Đề mục niệm Ân Đức Phật: làm cho hành giả tăng trưởng đức tin trong sạch nơi Tam bảo.

2- Đề mục bất tịnh: giúp cho hành giả nhàm chán, thân ô trược này để diệt tâm tham ái.

3- Đề mục niệm sự chết: làm cho hành giả không dễ duôi, cố gắng tinh tấn tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

4- Đề mục niệm rải tâm từ: giúp cho hành giả tâm được an lạc, diệt tâm sân hận, nóng giận khó chịu; đồng thời làm cho tất cả mọi chúng sinh cũng được an lạc dễ chịu, thương yêu quý mến lẫn nhau; nên không làm trở ngại pháp hành của hành giả.

Pháp môn niệm Phật chính là pháp hành **niệm Ân Đức Phật**, là một trong 4 đề mục cơ bản.

Niệm Ân Đức Phật là niệm Ân Đức của Đức Phật (không phải niệm đến danh hiệu Đức Phật Gotama).

Ân Đức Phật vô cùng vi tế, sâu sắc, rộng lớn, vô lượng vô biên, không sao kể xiết. Tuy vậy, trong kinh **Dhajaggasutta** Đức Phật dạy:

"Itipi so Bhagavà Araham, Sammàsambuddho, Vijjàcaranasampanno, Sugato, Lokavidù, Anuttaro purisadammasàrathi, Satthàdevamanussànam, Buddho, Bhagavà".

Gồm có 9 Ân Đức Phật, mỗi Ân Đức Phật có nhiều ý nghĩa vi tế, sâu sắc, rộng lớn, vô lượng vô biên... để hiểu rõ ý nghĩa không phải là việc dễ

dàng, song hành giả chỉ cần ghi nhớ những ý nghĩa thiết yếu để tạo cho mình một **đức tin** trong sạch nơi Đức Phật.

Pháp hành niệm Ân Đức Phật không chỉ là đề mục thiền định có khả năng chứng đạt đến **cận định**, mà còn có thể làm nền tảng để **tiến hành thiền tuệ** dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn nữa. Như Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khuru, pháp hành tuý niệm Ân Đức Phật mà hành giả đã tiến hành, đã hành thuần thực, chắc chắn dẫn đến phát sanh sự nhàm chán trong ngũ uẩn, danh pháp - sắc pháp này, để tận diệt tâm tham ái, sân hận, si mê; để làm vắng lặng mọi phiền não; để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn". (Anguttaranikàya, phần Ekadhamma -vagga.)

Người Phật tử, là bậc Xuất gia tu sĩ, cũng như các hàng tại gia cư sĩ, ai cũng có đức tin nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, nghĩa là có đức tin nơi Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, để làm cho đức tin càng tăng trưởng, làm cho đại thiện tâm càng trong sạch, trí tuệ càng sáng suốt, phước thiện càng dồi dào thì nên **tiến hành niệm Ân Đức Phật**.

Trong tập sách nhỏ này, bản sư cố gắng trình bày nhiều phương cách niệm Ân Đức Phật, song có phương pháp đặc biệt niệm 9 Ân Đức Phật bằng chuỗi 108 hạt rất kỳ diệu, hy vọng sẽ phổ thông cho mọi tầng lớp, nhất là đối với những người thường hay phóng tâm, chuyện này chuyện kia; những người có nhiều công việc, lo nghĩ, tâm bất an; những học sinh, sinh viên học nhiều môn, tâm không an trú, trí không sáng suốt, học khó nhớ dễ quên,... Những trường hợp trên, phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng chuỗi 108 hạt này, chắc chắn sẽ giúp cho quý vị tâm chóng ổn định an tịnh tự nhiên, làm cho phát sanh trí tuệ sáng suốt, chắc chắn đem lại những kết quả đáng hài lòng.

Như vậy, ban đầu xin quý vị cố gắng học tập phương pháp **niệm 9 Ân Đức Phật bằng tiếng Pàli**, lời giáo huấn nguyên thủy từ kim ngôn của Đức Phật, không thể thay thế một thứ tiếng nào khác, làm mất đi tính chất nguyên bản, không còn thiêng liêng, giảm hết oai lực của Ân Đức Phật. Bởi

vì, Phật giáo là lời giáo huấn của Đức Phật chỉ bằng tiếng Pàli, là một thứ tiếng phổ thông của chư Phật, chư thiên, phạm thiên cả thảy, còn mọi thứ tiếng khác như tiếng Việt, tiếng Anh,... chỉ dùng để hiểu rõ ý nghĩa lời giáo huấn của Đức Phật mà thôi.

Hành giả tiến hành niệm Ân Đức Phật bằng tiếng Pàli chắc chắn có oai lực phi thường, đem lại cho mình một đức tin vững chắc nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, là nơi nương nhờ cao thượng cho mình.

Tập sách nhỏ này được ấn hành do nhờ đệ tử **Vĩnh Cường** đã cố gắng đánh máy bản thảo, **Rakkhitasila Antevāsika** trình bày, dàn trang và chư thí chủ như gia đình cô **Dhammanandà**, gia đình **Trần Văn Cảnh - Trần Thị Kim Duyên**, cô **Đặng Thị Năm (cô Năm Lò-ven)**, gia đình **Cô Bảy**, gia đình cô **Tịnh Uyên**, nhóm **Phật tử tịnh thất Siêu Lý Cần Thơ...** cùng chư thí chủ khác có đức tin trong sạch nơi Tam bảo đã hùn phước bố thí tài chánh để lo việc in ấn này.

Bản sư thành tâm hoan hỉ phước thiện pháp thí thanh cao này; xin cầu nguyện Ân Đức Tam Bảo cùng phước thiện pháp thí này, hộ trì cho chư thí chủ cùng toàn thể thân bằng quyến thuộc của thí chủ thân tâm thường được an lạc, mọi thiện pháp được tăng trưởng, để tạo duyên lành chóng giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu còn trong vòng tử sanh luân hồi, thì do nhờ phước thiện pháp thí này nâng đỡ, dẫn dắt tất cả chúng con hằng được tái sanh nơi cảnh thiện giới, kiếp nào cũng có chánh kiến, có duyên lành thân cận với bậc Thiện trí, lắng nghe lời giáo huấn của Ngài, thực hành theo lời dạy của Ngài chỉ mong giải thoát **khổ sanh**.

**"Idam me dhammadānam
āsavakkhayāvaham hotu".**

Cầu mong phước thiện pháp thí này dẫn dắt con đến sự chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não trầm luân ở trong tâm.

**"Idam no nātinam hotu,
sukhitā hontu nātayo".**

Cầu mong phước thiện thanh cao này được thành tựu đến thân bằng quyến thuộc của chúng con, cầu mong họ được giải thoát khổ, được an lạc lâu dài.

"Imam punnabhàgam sabbasattànam dema, sabbepi te punnapattim laddhàna, sukhità hontu".

Chúng con xin hồi hướng phần phước thiện pháp thí thanh cao này đến cho tất cả chúng sinh. Cầu mong tất cả chúng sinh hoan hỉ thọ lãnh phần phước thiện thanh cao này rồi, thoát khỏi mọi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

Núi Rừng Viên Không

Phật Lịch 2545 /2001

Tỳ khuru Hộ Pháp

---o0o---

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Pháp môn niệm Phật chính là niệm Ân Đức Phật.

Niệm Ân Đức Phật là một trong 10 đề mục tùy niệm (*Anussati*), cũng là 1 trong 40 đề mục thiền định.

Niệm Ân Đức Phật, Đức Phật thuyết dạy trong bài kinh *Dhajaggasutta* (Samyuttanikàya, phần Sagàthavagga) có đoạn:

"Sace tumhàkam bhikkhave arannagatànam và rukkhamùlagatànam và sunnàgàragatànam và uppajjeyya bhayam và chambhitattam và lomahamso và mameva tasmim samaye anussareyyàtha".

"Itipi so Bhagavà Araham... Bhagavà' ti...

Này chư Tỳ khuru, nếu sự kinh hãi, sự run sợ, sự rùng mình rợn tóc gáy phát sanh lên đối với các con ở nơi thanh vắng, dưới cội cây, trong rừng sâu. Khi ấy các con chỉ nên niệm tưởng đến 9 Ân Đức của Như Lai rằng:

"Itipi so Bhagavà Araham, Sammàsambuddho, Vijjàcaranasampanno, Sugato, Lokavidù, Anuttaro purisadammasàrathi, Satthàdevamanussànam, Buddho, Bhagavà".

Này chư Tỳ khuru, do nhờ niệm tưởng Ân Đức Phật, sự kinh hãi, sự run sợ, sự rùng mình rợn tóc gáy nào phát sanh, thì điều ấy bị tiêu diệt.

Hoặc nếu các con không niệm tưởng đến 9 ân đức của Như Lai, thì các con niệm tưởng đến 6 Ân Đức Pháp rằng:

"Svakkhàto Bhagavatà dhammo, Sanditthiko, Akàliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattam veditabbo vinnūhi".

Này chư Tỳ khuru, do nhờ niệm tưởng Ân Đức Pháp, sự kinh hãi, sự run sợ, sự rùng mình rón tóc gáy nào phát sanh, thì điều ấy bị tiêu diệt.

Hoặc nếu các con không niệm tưởng đến 6 Ân Đức Tăng của Như Lai, thì các con niệm tưởng đến 9 Ân Đức Tăng rằng:

"Suppatipanno Bhagavato sàvakasamgho.

Ujuppatipanno Bhagavato sàvakasamgho.

Nàyappatipanno Bhagavato sàvakasamgho.

Sàmìcippatipanno Bhagavato sàvakasamgho.

Yadidam cattàri purisayugàni attha purisa-puggalà. Esa Bhagavato sàvakasamgho.

Àhuneyyo, Pàhuneyyo, Dakkhineyyo, Anjali-karaniyo, Anuttaram punnakkhattam lokassa".

Này chư Tỳ khuru, do nhờ niệm tưởng Ân Đức Tăng, sự kinh hãi, sự run sợ, sự rùng mình rón tóc gáy nào phát sanh, thì điều ấy bị tiêu diệt".

Theo bài kinh này, niệm 9 Ân Đức Phật hoặc 6 Ân Đức Pháp hoặc 9 Ân Đức Tăng đều có kết quả là tiêu diệt mọi điều kinh sợ đã phát sanh, và ngăn được mọi điều kinh sợ không thể phát sanh.

---o0o---

TIẾN HÀNH NIỆM ĐỀ MỤC ÂN ĐỨC PHẬT

Muốn tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, trước tiên hành giả tự mình thọ Tam quy.

- **Buddham saranam gacchàmi.**

- **Dhammam saranam gacchàmi.**

- **Samgham saranam gacchàmi.**

- *Dutiyampi Buddham saranam gacchàmi.*
- *Dutiyampi Dhammam saranam gacchàmi.*
- *Dutiyampi Samgham saranam gacchàmi.*
- *Tatiyampi Buddham saranam gacchàmi.*
- *Tatiyampi Dhammam saranam gacchàmi.*
- *Tatiyampi Samgham saranam gacchàmi.*

Hành giả cần phải có giới trong sạch để làm nền tảng cho thiền định, thiền tuệ.

Nếu là người cận sự nam, cận sự nữ tự mình nguyện xin thọ ngũ giới, hoặc bát giới, hoặc thập giới để cho giới của mình được trong sạch và trọn đủ.

Nếu là bậc Xuất gia, Sa di cần phải thọ Tam quy và Sa di thập giới nơi một vị Đại Đức (*Thầy Tế độ*).

Bậc Tỳ khuru cần phải sám hối òpatti với một vị Tỳ khuru khác để cho giới của mình trở nên trong sạch và trọn đủ.

Khi hành giả có giới trong sạch và trọn đủ rồi sẽ làm nền tảng để tiến hành thiền định với đề mục niệm Ân Đức Phật này.

Chín Ân Đức Phật này chỉ có nơi Đức Phật. Ngoài Đức Phật ra, không có một Sa môn, Bà la môn, chư thiên, phạm thiên... nào có thể có đủ 9 ân đức này. Để liên tưởng đến Đức Phật, hành giả nên ngồi kiết già hoặc bán già (*phái nữ nên ngồi xếp hai chân sang một bên*) trước tượng Đức Phật; hoặc ngồi trước tấm hình ngôi tháp bảo tôn thờ Xá Lợi của Đức Phật; hoặc ngồi xung quanh ngôi tháp bảo tôn thờ Xá Lợi của Đức Phật; hoặc ngồi xung quanh cội Bồ Đề, nơi Đức Bồ Tát đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác; hoặc một nơi thanh vắng, để cho thuận lợi việc tiến hành niệm Ân Đức Phật.

Niệm Ân Đức Phật có nhiều cách:

CÁCH THỨ NHẤT

Hành giả có thể niệm đủ 9 Ân Đức Phật như sau:

"Itipi so Bhagavà Araham, Sammàsambuddho, Vijjàcaranasampanno, Sugato, Lokavidù, Anuttaro purisadammasàrathi, Satthàdevamanussànam, Buddho, Bhagavà".

Niệm thâm ở trong tâm hằng trăm lần, hằng ngàn lần, niệm suốt thời gian ngồi niệm Ân Đức Phật, khi niệm đến Ân Đức Phật nào, định tâm an trú nơi Ân Đức Phật ấy; không những an trú nơi Ân Đức Phật ấy, mà còn phải hiểu rõ những ý nghĩa của Ân Đức Phật ấy nữa. Nhờ vậy, hành giả mới phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, có trí tuệ sáng suốt hiểu rõ ý nghĩa mỗi Ân Đức Phật.

CÁCH THỨ NHÌ

Hành giả có thể chọn niệm một Ân Đức Phật nào trong 9 Ân Đức Phật bằng ***một câu Ân Đức Phật***.

Ví dụ: ***"Itipi so Bhagavà Araham..."***, hoặc ***"Itipi so Bhagavà Buddho..."***. Niệm thâm ở trong tâm Ân Đức Phật ấy hằng trăm lần, hằng ngàn lần suốt thời gian tiến hành ngồi niệm Ân Đức Phật...

CÁCH THỨ BA

Hành giả có thể chọn niệm một Ân Đức Phật nào trong 9 Ân Đức Phật bằng ***một chữ Ân Đức Phật***.

Ví dụ: ***"Araham... Araham... Araham..."*** hoặc ***"Buddho... Buddho... Buddho..."***, v.v...

Niệm thâm ở trong tâm hàng trăm lần, hàng ngàn lần, suốt thời gian tiến hành ngồi niệm Ân Đức Phật, định tâm an trú nơi Ân Đức Phật, đồng thời hiểu rõ những ý nghĩa Ân Đức Phật, để tăng trưởng đức tin trong sạch nơi Đức Phật, có trí tuệ sáng suốt hiểu rõ về ý nghĩa Ân Đức Phật.

Tất cả mọi đề mục thiền định đều có một mục đích duy nhất là định tâm an trú trong một đề mục thiền định duy nhất, không để phóng tâm chuyện này chuyện kia. Có những đề mục thiền định có thể dẫn đến cận

định (*upacàrasamàdhi*) rồi tiến đến an định (*appanàsamàdhi*) để chứng đắc các bậc thiền hữu sắc.

Riêng đối với đề mục "**niệm Ân Đức Phật**" là một đề mục vô cùng vi tế, sâu sắc, rộng lớn, vô lượng vô biên, nên định tâm không thể an trú trong đối tượng nhất định rõ ràng. Do đó, đề mục **niệm Ân Đức Phật** chỉ có khả năng dẫn đến **cận định** mà thôi; không thể tiến đến an định, nên không thể chứng đắc được bậc thiền nào cả.

Như vậy, cận định tâm của **đề mục niệm Ân Đức Phật** vẫn còn là **dục giới đại thiện tâm**, thuộc về **dục giới thiện nghiệp**.

Quả báu ở kiếp hiện tại

Dục giới thiện nghiệp được tạo do thiền định này cho quả ở kiếp hiện tại, trong khi đang tiến hành niệm Ân Đức Phật, đại thiện tâm hợp với hỉ, phát sanh hỉ lạc rất vi tế ở ý thức tâm, nên hành giả có thể ngồi niệm **Ân Đức Phật** hằng giờ vẫn cảm thấy an lạc lạ thường.

Do năng lực dục giới thiện nghiệp này, trong cuộc sống hằng ngày của hành giả thường được an lạc, tránh khỏi điều rủi ro tai hại một cách phi thường, phần đông mọi người kính mến, chư thiên cũng kính yêu và hộ trì hành giả.

Quả báu ở kiếp vị lai

Dục giới thiện nghiệp được tạo do **tiến hành thiền định** này, có phần vững chắc hơn dục giới thiện nghiệp được tạo do **bố thí** và **giữ giới**. Cho nên, hành giả khi gần chết, tâm không mê muội, tâm bình tĩnh sáng suốt. Vì vậy, sau khi chết, nếu dục giới thiện nghiệp này cho quả tái sanh làm người, thì sẽ là người có trí tuệ thuộc "*hạng người tam nhân*"¹, hoặc tái sanh làm chư thiên ở một trong 6 cõi trời dục giới, đầu sanh làm chư thiên ở cõi trời nào cũng có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời đặc biệt.

---o0o---

Phương Pháp Đặc Biệt Niệm 9 Ân Đức Phật

Nước Myanmar phần đông những bậc Xuất gia: Sa di, Tỳ khưu, Đại Đức, Đại Trưởng lão và các hàng tại gia cư sĩ: cận sự nam, cận sự nữ hành thiền thường sử dụng xâu chuỗi 108 hạt làm phương tiện để niệm...

Theo được biết, có rất nhiều phương pháp hành thiền niệm... bằng xâu chuỗi 108 hạt. Phương pháp nào cũng cốt để cho thiện tâm an tịnh tự nhiên.

Ví dụ: Phương pháp niệm **Tam quy lần theo chuỗi hạt: "Buddham saranam gacchàmi..."² v.v...**

Thuở bản sư ở nước Myanmar, một hôm, đọc một tờ đặc san Phật giáo, gặp một bài pháp dạy về phương pháp niệm Ân Đức Phật bằng phương tiện xâu chuỗi 108 hạt, do một Ngài Đại Trưởng Lão (*không nhớ rõ pháp danh*) đã phát hiện ra, trong 9 Ân Đức Phật gồm có 108 âm, và xâu chuỗi có 108 hạt. Ngài dạy phương pháp **tâm niệm mỗi âm, đồng thời tay lần theo mỗi hạt**. Khi niệm đủ 9 Ân Đức Phật gồm có 108 âm, đồng thời lần theo chuỗi đủ 108 hạt.

Đây là phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật rất **kỳ diệu**, bởi sự khám phá có sự trùng hợp, giữa 9 Ân Đức Phật gồm có 108 âm và xâu chuỗi có 108 hạt; và cũng là một phương pháp **tuyệt vời**, là vì giúp cho hành giả kiểm soát được tâm mình, còn như các đề mục thiền định khác thì không có tính ưu việt này.

Do đó, hành giả muốn tiến hành theo phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật này, điều trước tiên cần phải học thuộc lòng 108 âm trong 9 Ân Đức Phật, vì mỗi âm trong 9 Ân Đức Phật liên quan đến vị trí thứ tự nhất định trong chuỗi 108 hạt.

Chín Ân Đức Phật theo thứ tự như sau:

1- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và A-ra-ham,</i>	10 âm, 10 hạt
2- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Sam-mà-sam-bud-dho,</i>	12 âm, 12 hạt
3- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Vij-jà-ca-ra-na-sam-pan-no,</i>	15 âm, 15 hạt
4- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Su-ga-to,</i>	10 âm, 10 hạt

5- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Lo-ka-vi-dù ,</i>	11 âm, 11 hột
6- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và A-nut-ta-ro-pu-ri-sa-dam-ma-sà-ra-thi,</i>	19 âm, 19 hột
7- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Sat-thà-de-va-ma-nus-sà-nam,</i>	15 âm, 15 hột
8- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và Bud-dho,</i>	9 âm, 9 hột
9- <i>I-ti-pi-so Bha-ga-và.</i>	7 âm, 7 hột
Tổng cộng:	108 âm, 108 hột

Điểm ưu việt cách niệm 9 Ân Đức Phật cùng xâu chuỗi 108 hột

Phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật này, gọi là "*kỳ diệu*" là vì dễ dàng làm cho tâm an trú trọn đủ 9 Ân Đức Phật, một cách liên tục trước-sau. Và gọi là "*tuyệt vời*" là vì tự mình có thể kiểm soát biết mình tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật đúng theo phương pháp này.

Bởi vì phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng xâu chuỗi 108 hột này có hai đặc tính ưu việt như sau:

- 1- Theo dõi Ân Đức Phật trước - sau liên quan với nhau.
- 2- Kiểm soát được tâm mình.

1- Theo dõi Ân Đức Phật trước - sau liên tục với nhau như thế nào?

Ân Đức Phật thứ nhất: "*Itipi so Bhagavà Araham*".

Tiếp theo Ân Đức Phật thứ nhì: "*Itipi so Bhagavà Sammà sambuddho*".

Và tiếp tục như vậy cho đến Ân Đức Phật thứ 9: "*Itipi so Bhagavà*".

Như vậy, mỗi Ân Đức Phật đều bắt đầu giống nhau là: "*Itipi so Bhagavà*", khiến cho hành giả phải chú tâm đặc biệt, nếu không chú tâm để ý thì dễ lộn Ân Đức Phật này sang Ân Đức Phật kia. Sự thật, 9 Ân Đức Phật này, mỗi Ân Đức Phật có một vị trí thứ tự nhất định trong xâu chuỗi 108 hột, không thể thay đổi. Cho nên hành giả cần phải thận trọng, chú tâm nhiều.

Ví dụ:

Bắt đầu niệm Ân Đức Phật thứ nhất rằng: "***I-ti-pi-so-Bha-ga-và-A-ra-ham***" tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột, tiếp tục đến niệm Ân Đức Phật thứ nhì cũng bắt đầu bằng: "***I-ti-pi-so-Bha-ga-và...***" khiến hành giả liên tưởng đến Ân Đức Phật trước gọi là gì? Tự trả lời chính xác Ân Đức Phật trước gọi là *Araham*, vậy Ân Đức Phật tiếp theo sau phải là "***Sammàsambuddho***". Hành giả niệm "***Sam-mà-sam-bud-dho***", tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột, cứ như vậy liên tưởng Ân Đức Phật trước - Ân Đức Phật sau, cho đến Ân Đức Phật thứ 9 sau cùng là "***I-ti-pi-so Bha-ga-và***".

Hành giả có *trí nhớ (niệm)* và *trí tuệ* cùng với *tâm tinh tấn* tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật khắng khít với nhau, không có khoảng thời gian trống nào, để tâm nghĩ đến chuyện này, chuyện kia. Như vậy, hành giả niệm Ân Đức Phật nào, tâm an trú ở Ân Đức Phật ấy, giúp cho định tâm an trú trọn đủ 9 Ân Đức Phật một cách liên tục suốt thời gian tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật.

Đó là một đặc tính ưu việt của phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng chuỗi 108 hột này.

---o0o---

2- Kiểm soát được tâm mình như thế nào?

Phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng cách sử dụng xâu chuỗi 108 hột làm phương tiện.

Phương pháp này có một sự trùng hợp kỳ diệu giữa 9 Ân Đức Phật gồm có 108 âm và xâu chuỗi có 108 hột, hành giả chú *tâm niệm mỗi âm* trong 9 Ân Đức Phật, đồng thời *tay lần theo mỗi hột* trong xâu chuỗi cho đến âm "***Và***" cuối cùng của Ân Đức Phật thứ 9 là ***Bha-ga-và***, đồng thời đến hột cuối cùng của xâu chuỗi 108 hột, qua một vòng chuỗi hột.

Như vậy, gọi là hành giả tiến hành đúng theo phương pháp này, cứ mỗi lần niệm 9 Ân Đức Phật đúng theo phương pháp, hành giả tâm cảm thấy hoan hỉ, nhiều lần đúng, thì tâm càng thêm hoan hỉ dẫn đến phát sanh tâm hỷ lạc.

Hành giả tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật theo phương pháp này, **tâm niệm mỗi âm, tay lần theo một hột** cho đến âm "**Và**" cuối cùng của Đức Phật thứ 9 là "**Bha-ga-và**", đồng thời qua một vòng chuỗi 108 hột. Nếu gặp phải **đur** hoặc **thiếu**, không đúng 108 hột, như vậy, hành giả biết ngay rằng: "*đã tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật không đúng theo phương pháp này*".

Nhờ biết như vậy, hành giả càng chú tâm ghi nhớ, có **niệm** (*tâm sở*) và **trí tuệ** tốt hơn, cần có sự cố gắng **tinh tấn** nhiều hơn để tiếp tục tiến hành tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột, càng chú tâm theo dõi mỗi âm trong 9 Ân Đức Phật đồng thời lần theo mỗi hột để cho đúng theo phương pháp này.

Hành giả tiến hành niệm 9 Ân Đức Phật, **tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột**, chỉ cần qua một vòng chuỗi 108 hột là biết ngay³ mình **hành đúng** hay **hành sai** phương pháp, không phải mất thì giờ.

Đó là một đặc tính ưu việt của phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng chuỗi 108 hột này, có thể kiểm soát được tâm của mình.

Không chuỗi hột, khó kiểm soát tâm mình

Một số hành giả thường hay phóng tâm, hoặc suy nghĩ miên man hết chuyện này sang chuyện khác, khi họ niệm Ân Đức Phật không có chuỗi 108 hột, thì khó kiểm soát được tâm của mình.

Ví dụ:

- Trường hợp hành giả tiến hành niệm Ân Đức Phật trở thành thói quen. Nghĩa là "**miệng vẫn niệm thầm, tâm vẫn lo nghĩ chuyện này chuyện kia mà không hay biết**", cho nên tâm không an trú nơi Ân Đức Phật nào cả, tưởng làm mình đang niệm Ân Đức Phật.

- Trường hợp hành giả tiến hành niệm Ân Đức Phật, được một lúc tâm xao nhãng, không còn chú tâm niệm Ân Đức Phật, phát sanh phóng tâm chuyện này chuyện kia một hồi lâu mà vẫn không hay biết, đến khi sự tỉnh lại mới biết mình phóng tâm...

Những trường hợp xảy ra như vậy, vì hành giả không có một dụng cụ phương tiện nào để kiểm soát được tâm của mình.

Vì vậy, phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng xâu chuỗi 108 hạt dùng làm phương tiện có thể kiểm soát tâm của mình một cách hữu hiệu hơn phương pháp nào khác, nhất là đối với người hay phóng tâm, lo nghĩ, hay quên,...

---o0o---

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT PHỔ THÔNG

Những người thường hay phóng tâm, lo nghĩ chuyện này, chuyện kia; những người suy nghĩ miên man; những người có nhiều công việc đa đoan; những thương gia lắm công nhiều việc, thường hay lo nghĩ suy tư; những học sinh, sinh viên theo học nhiều môn, ôn nhiều bài, học khó hiểu, khó nhớ lâu; những người đang ở tâm trạng bấn khoăn lo ngại, do dự một vấn đề nào đó chưa dứt khoát... Tất cả những hạng người này muốn tiến hành thiền định không dễ dàng, bởi vì tâm của họ khó an trú một đề mục thiền định duy nhất nào làm đối tượng.

Tuy vậy, đối với những hạng người này có thể tiến hành phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng xâu chuỗi 108 hạt, chắc chắn sẽ có kết quả tốt hơn, dễ dàng làm cho tâm trí mau chóng ổn định tự nhiên. Khi tâm trí ổn định, phát sanh trí tuệ sáng suốt, làm chủ mọi hành động, lời nói, ý nghĩ; chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho mình và tất cả mọi người, mọi chúng sinh.

Đối với những người bệnh tật, già yếu; những người bệnh hoạn ốm đau, không thể ngồi được, thì có thể nằm lắng nghe băng cassette ***hướng dẫn niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hạt***, cũng có thể giúp cho tâm của họ được ổn định an tịnh.

Cho nên, phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng xâu chuỗi 108 hạt này không những riêng cho các hành giả, mà còn có thể áp dụng chung cho mọi tầng lớp, nhất là những người bình thường khó tiến hành pháp môn thiền định. Bởi vì tâm của họ khó an trú trong một đề mục thiền định nào nhất định làm đối tượng. Còn phương pháp niệm 9 Ân Đức Phật bằng xâu chuỗi

108 hột này, giúp cho họ dễ dàng định tâm trong từng mỗi Ân Đức Phật, nhờ phương pháp "*tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột*".

Khi niệm đến Ân Đức Phật nào, hành giả nên có trí tuệ hiểu biết rõ ý nghĩa của Ân Đức Phật ấy.

Nói chung, mọi phương pháp tiến hành niệm Ân Đức Phật, điều trước tiên cũng là điều thiết yếu nhất, hành giả cần phải học hỏi, nghiên cứu cho *hiểu biết rõ ý nghĩa mỗi Ân Đức Phật* một cách rành rẽ, thông thạo. Mỗi khi niệm đến Ân Đức Phật nào, có trí tuệ hiểu biết rõ ý nghĩa của Ân Đức Phật ấy. Cũng như nói một thứ tiếng, mình hiểu điều mình nói, mình nói điều mình hiểu và người nghe cũng hiểu được.

Như vậy, hành giả mới phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc.

Để tăng thêm đức tin trong sạch, hành giả nên tìm hiểu con số 108 có liên quan đến pháp trong Phật giáo.

Atthasatam là con số 108.

Trong các Chú giải có đề cập đến *tanhà* = *tham ái* có 108 loại như: *atthasatam tanhàvicaritam*: *tham ái tính đầy đủ gồm có 108 loại*, là nhân sanh khổ đế (*dukkhasamudayasacca*), là ác pháp nên diệt, là một sự thật chân lý trong tứ đế (*catusacca*).

Trong bài kinh Ratanasutta, danh từ ghép *atthasatam* dnh liền với nhau trong câu:

"Ye puggalà atthasatam pasatthà...".

"108 hạng Thánh nhân mà chư bậc Thiện trí như Đức Phật v.v... đều tán dương ca tụng...".

Phân chia 108 hạng Thánh nhân như sau:

A- 4 Thánh Quả gồm có 100 hạng Thánh nhân.

1- Bậc Thánh Nhập Lưu gồm có 24 hạng (*3 hạng Thánh Nhập Lưu x 4 pháp hành (patipadà) x 2 phận sự (dhura) thành 24 hạng*).

2- Bậc Thánh Nhất Lai gồm có 24 hạng (*3 hạng Thánh Nhất Lai x 4 pháp hành x 2 phận sự thành 24 hạng*).

3- Bậc Thánh Bất Lai gồm có 48 hạng (5 hạng Thánh Bất Lai x với 4 cõi *suddhàvāsa* bậc thấp thành 20, + 4 bậc Thánh Bất Lai ở cõi *akanittha* (trừ bậc Thánh *Uddhamsota akanitthagāmi*) là 24, x 2 phận sự thành 48 hạng).

4- Bậc Thánh Arahán gồm có 4 hạng (2 hạng Thánh Arahán x 2 phận sự thành 4 hạng).

B- 4 Thánh Đạo gồm có 8 hạng Thánh (4 Thánh Đạo x 2 phận sự thành 8 hạng).

Tổng cộng $24 + 24 + 48 + 4 + 8 = 108$ hạng Thánh nhân.

Như vậy, hành giả niệm 9 Ân Đức Phật gồm có 108 âm, còn có liên quan đến con số 108 hạng Thánh nhân là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật.

---o0o---

Ý NGHĨA ÂN ĐỨC PHẬT

Đức Phật có 9 Ân Đức theo thứ tự.

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ NHẤT

I- Itipi so Bhagavā Arahā

(Cách đọc: *Í-ti-pí-xô phá-gá-voa Á-rá-hăng*).

Đức Thế Tôn có Ân Đức **Arahā**.

Arahā có 5 ý nghĩa:

- 1- Đức Thế Tôn là bậc đã xa lìa mọi phiền não.
- 2- Đức Thế Tôn đã diệt đoạn tuyệt mọi kẻ thù là phiền não
- 3- Đức Thế Tôn là bậc đã phá huỷ vòng luân hồi trong ba giới bốn loài.
- 4- Đức Thế Tôn là bậc không bao giờ làm điều ác ở nơi kín đáo.
- 5- Đức Thế Tôn là bậc xứng đáng thọ nhận lễ bái cúng dường.

Giải thích tóm tắt

1- Arahā có ý nghĩa xa lìa mọi phiền não là thế nào?

Phiền não dịch từ tiếng Pàli **Kilesa**.

Kilesa = phiền não là những *bất thiện tâm* sâu đồng sanh với những *bất thiện tâm* làm cho thân tâm nóng nảy, khó chịu, khổ thân, khổ tâm; phiền não còn làm cho tâm, tâm sở bị ô nhiễm, khiến tạo nghiệp do thân, khẩu, ý.

Phiền não có 10 loại:

1- **Tham**: Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 8 tham tâm có trạng thái tham muốn, hài lòng say mê trong đối tượng.

2- **Sân**: Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm, có trạng thái hung dữ, tàn bạo, không hài lòng nơi đối tượng.

3- **Si**: Đó là *si tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái si mê không biết thật tánh của các pháp.

4- **Tà kiến**: Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến, có trạng thái thấy sai, chấp lầm ở đối tượng.

5- **Ngã mạn**: Đó là *ngã mạn tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến, có trạng thái so sánh "Ta" hơn người, bằng người, kém thua người.

6- **Hoài nghi**: Đó là *hoài nghi tâm sở* đồng sanh với si tâm hợp hoài nghi, có trạng thái hoài nghi ở đối tượng.

7- **Buồn chán**: Đó là *buồn chán tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm và * sân tâm (loại tâm cần động viên), có trạng thái không hăng hái, buông bỏ đối tượng.

8- **Phóng tâm**: Đó là *phóng tâm tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái không an trụ ở đối tượng.

9- **Không hổ thẹn**: Đó là *không hổ thẹn tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái tự mình không biết hổ thẹn tội lỗi, khi hành ác.

10- **Không ghê sợ**: Đó là *không ghê sợ tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái không biết ghê sợ tội lỗi, khi hành ác.

Đó là 10 loại phiền não, mỗi khi có phiền não nào phát sanh ở bất thiện tâm nào, thì không những làm cho tâm bị ô nhiễm, nóng nảy, mà còn làm cho thân cũng nóng nảy, khó chịu, mặt mày mất vẻ tự nhiên, không còn tươi tỉnh...

Tính chất của phiền não có ba loại:

1- **Vitikkamakilesa**: Là phiền não *loại thô*, được biểu hiện ra ở thân hành ác, khẩu nói ác. Phiền não loại thô này có thể diệt bằng **pháp hành giới**, có tác ý thiện tâm (*cetanà*) giữ gìn giới cho thân và khẩu được trong sạch, thì diệt từng thời loại phiền não này.

2- **Pariyutthànakilesa**: Là phiền não *loại trung* phát sanh ở trong tâm, đó là 5 pháp chướng ngại⁴, làm cho tâm cảm thấy khó chịu khổ tâm; ngăn cản mọi thiện pháp. Loại phiền não này diệt bằng **pháp hành thiền định**, khi chứng đắc bậc thiền, nhờ 5 chi thiền, có thể diệt bằng cách đè nén, chế ngự được loại phiền não này.

3- **Anusayakilesa**: Là phiền não *cực kỳ vi tế* ?n tàng ngấm ngấm ở trong tâm thức, đó là 7 pháp ngũ ngấm trong tâm⁵ không hiện rõ. Loại phiền não này diệt bằng **pháp hành thiền tuệ**, khi chứng đắc Thánh Đạo Tuệ mới có thể diệt đoạn tuyệt được loại phiền não này.

Phiền não tính rộng có 1500 loại:

10 loại phiền não kể trên, khi chúng liên quan đến đối tượng làm nhân duyên để phát sanh phiền não, tính rộng có 1500 loại phiền não.

Cách tính như sau:

75 pháp có thể làm đối tượng của phiền não: **Tâm** tính là một pháp (vì cùng có một trạng thái biết đối tượng). **Tâm sở** tính 52 pháp (vì mỗi tâm sở có mỗi trạng thái riêng biệt). **Sắc pháp** chỉ có 18 sắc pháp hiện hữu thật rõ ràng; và 4 pháp trạng thái của sắc pháp.

Như vậy, gồm có $(1+52+18+4) = 75$ pháp có thể làm đối tượng của phiền não.

75 pháp này làm đối tượng của phiền não ở bên trong mình, là kẻ thù bên trong.

75 pháp này làm đối tượng của phiền não ở bên ngoài mình, là kẻ thù bên ngoài.

Đối tượng của phiền não bên trong mình có 75 pháp và bên ngoài mình có 75 pháp gồm cả thảy 150 pháp, nhân với 10 loại phiền não (*tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi, buồn chán, phóng tâm, không hổ thẹn, không ghê sợ*) (150×10) thành 1.500 loại phiền não.

Thật ra, 10 loại phiền não trong bất thiện tâm mới làm cho tâm bị ô nhiễm, làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, khổ tâm, khổ thân.

Phiền não làm nhân duyên trực tiếp tạo mọi ác nghiệp và làm nhân duyên gián tiếp tạo mọi thiện nghiệp trong tam giới (*do vô minh nên tạo ác nghiệp, thiện nghiệp*); để rồi cho quả của nghiệp dẫn dắt trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài⁶.

Nghiệp này được dẫn dắt do bởi tham ái (*tanhà*). **Tham ái** đó là **tham tâm sở** (*lobhacetasika*). Tham ái có tất cả 108 loại.

Tham ái có 108 loại:

Cách tính 108 loại tham ái theo 6 đối tượng, 3 tính chất, 2 bên, 3 thời như sau:

Đối tượng của tham ái có 6:

- 1- **Sắc ái:** Sắc trần là đối tượng của tham ái.
- 2- **Thanh ái:** Thanh trần là đối tượng của tham ái.
- 3- **Hương ái:** Hương trần là đối tượng của tham ái.
- 4- **Vị ái:** Vị trần là đối tượng của tham ái.
- 5- **Xúc ái:** Xúc trần là đối tượng của tham ái.
- 6- **Pháp ái:** Pháp trần là đối tượng của tham ái.

Tính chất của tham ái có 3:

1- **Dục ái:** Tham ái trong 6 cảnh trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

2- **Hữu ái:** Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến và tham ái trong thiên hữu sắc, thiên vô sắc, trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.

3- **Phi hữu ái:** Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.

2 bên:

- 1- **Bên trong:** Tham ái phát sanh bên trong mình.
- 2- **Bên ngoài:** Tham ái phát sanh bên ngoài người khác.

Thời gian có 3:

- 1- **Thời quá khứ:** Tham ái phát sanh ở thời quá khứ.
- 2- **Thời hiện tại:** Tham ái phát sanh ở thời hiện tại.
- 3- **Thời vị lai:** Tham ái phát sanh ở thời vị lai.

Như vậy, tóm lại tham ái phát sanh do 6 đối tượng, x 3 tính chất, x 2 bên, x 3 thời ($6 \times 3 \times 2 \times 3$) = 108 loại tham ái là nhân phát sanh khổ tái sanh, dẫn đến khổ già, khổ bệnh, khổ chết... bao nhiêu nỗi khổ khác không sao kể xiết, đều do tham ái là nhân sanh mọi khổ đế ấy.

Đức Bồ Tát *Siddhattha* diệt đoạn tuyệt được tất cả 1.500 loại phiền não, 108 loại tham ái không còn dư sót bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tại dưới đại cội Bồ Đề vào canh chót đêm rằm tháng tư (*âm lịch*), trở thành bậc Chánh Đẳng Giác độc nhất vô nhị đầu tiên trong toàn thế giới chúng sinh.

Ngoài ra, Ngài còn có khả năng đặc biệt tận diệt được mọi *tiền khiên tật* (*vàsanà*)⁷ do tích lũy từ vô lượng kiếp ở quá khứ. Cho nên, Đức Phật có mỗi hành vi cử chỉ đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng... không thể nào có thể chê trách được.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Araham* với ý nghĩa xa lìa mọi *phiền não* và *tiền khiên tật* không bao giờ phát sanh được nữa, bất cứ lúc nào cho đến khi tịch diệt Niết Bàn.

2- *Araham* có ý nghĩa diệt đoạn tuyệt mọi kẻ thù là phiền não như thế nào?

Đức Phật dạy kẻ thù nguy hiểm chính là 1.500 loại phiền não trong tâm của mình. Ngài gọi phiền não là *kẻ thù*, là vì ở trong đời này, kẻ thù thường tìm cơ hội làm khổ mình, sát hại mình, không có một kẻ thù nào mong cho mình được an lạc.

Cũng như vậy, phiền não phát sanh trong bất thiện tâm làm cho mình khổ tâm, khổ thân, nóng nảy, khó chịu, còn khiến mình tạo mọi ác nghiệp, làm khổ chúng sinh khác, để rồi phải chịu quả khổ trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Sự thật, chỉ có phiền não bên trong bất thiện tâm của mình, mới trực tiếp làm khổ mình, còn phiền não bên ngoài người khác không trực tiếp làm khổ mình được, nếu mình không tiếp nhận.

Ví dụ: người ta mắng chửi, đánh đập mình; nếu mình có tâm nhẫn nại, không sân hận, phiền não không sanh, thì mình không bị khổ tâm; nếu tâm phiền não sân hận phát sanh, thì chính phiền não bên trong mình làm cho

mình khổ tâm, hoàn toàn không phải phiền não bên ngoài của người khác làm cho mình khổ tâm.

Còn phần **khổ thân** thuộc về quả của nghiệp không một ai tránh khỏi, dầu là Đức Phật hay chư bậc Thánh Arahán. Đức Phật và chư bậc Thánh Arahán diệt đoạn tuyệt được tất cả 1.500 loại phiền não rồi, nên hoàn toàn không còn **khổ tâm** nữa; nhưng còn có sắc thân, vẫn còn có **khổ thân** cho đến khi hết tuổi thọ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài. Khi ấy mới thật là giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ.

Đức Bồ Tát **Siddhattha** đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi kẻ thù là 1.500 loại phiền não, bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tại dưới đại cội Bồ Đề vào canh chót đêm rằm tháng tư (*âm lịch*) trở thành bậc Chánh Đẳng Giác độc nhất vô nhị đầu tiên trong toàn thế giới chúng sinh.

Do đó, Đức Thế Tôn có **Ân Đức Araham** với ý nghĩa diệt đoạn tuyệt mọi kẻ thù là phiền não không còn dư sót.

3- Araham có ý nghĩa phá huỷ vòng luân hồi trong ba giới bốn loài như thế nào?

Vòng luân hồi đó chính là pháp "*Thập Nhị Duyên Sanh*" có 12 chi pháp:

- Do vô minh làm duyên, nên hành sanh.
- Do hành làm duyên, nên thức sanh.
- Do thức làm duyên, nên danh sắc sanh
- Do danh sắc làm duyên, nên lục nhập sanh.
- Do lục nhập làm duyên, nên lục xúc sanh.
- Do lục xúc làm duyên, nên lục thọ sanh.
- Do lục thọ làm duyên, nên lục ái sanh.
- Do lục ái làm duyên, nên tứ thủ sanh.
- Do tứ thủ làm duyên, nên nhị hữu sanh.
- Do nhị hữu làm duyên, nên tái sanh sanh.
- Do tái sanh làm duyên, nên lão tử... sanh.

Từ vô minh đến lão tử gồm có 12 chi pháp. Pháp này làm **duyên** để sanh pháp kia là **quả**; pháp **quả** ấy trở lại làm **duyên** để sanh pháp **quả khác**, và cứ như vậy **duyên quả** liên hoàn với nhau thành vòng luân hồi, không có chỗ bắt đầu và cuối cùng. Như vậy, **vô minh** chỉ là **nhân duyên**

quá khứ không phải là **nhân bắt đầu**, vì vô minh còn là **quả** của **bốn pháp trầm luân**. Như Đức Phật dạy:

"Àsavasamudaya à vijjāsamudayo...".

(Do có sự sanh của bốn pháp trầm luân, nên có sự sanh của vô minh).

Vòng luân hồi thập nhị duyên sanh này phân chia thành **tam luân**, chuyển biến theo chiều hướng nhất định.

1- **Phiền não luân**: gồm có vô minh, lục ái và tứ thủ.

2- **Nghiệp luân**: gồm có nghiệp hữu và hành.

3- **Quả luân**: gồm có cảnh hữu, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ, sanh, lão tử.

Theo vòng luân hồi thì không thể biết được chỗ bắt đầu và chỗ cuối cùng, nên chỉ nhận biết theo định luật nhân quả, mà nhân quả theo pháp thập nhị duyên sanh, thì mỗi chi pháp không thuần chỉ là **nhân**, là **quả**, mà sự thật, mỗi chi pháp là **quả** của pháp trước, trở lại làm **nhân duyên** của pháp sau, và cứ tiếp tục như vậy theo định luật **nhân quả liên hoàn** tiếp nối với nhau thành vòng luân chuyển không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thủy đến vô chung, trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài; thường chỉ có thể thấy rõ sự **thay đổi** về **phần sắc thân** hay gọi là **sắc uẩn** mà thôi; còn phần **tâm** gọi là **danh uẩn** có 4 **uẩn** (**thọ, tưởng, hành, thức uẩn**) liên quan nhân duyên **sanh rồi diệt, diệt rồi sanh** liên tục không ngừng từ đời này sang đời khác do năng lực của nghiệp mà mình đã tạo, từ vô thủy đến vô chung đối với chúng sinh còn **vô minh** và **tham ái**.

Vòng luân hồi "**Thập Nhị Duyên Sanh**" luân chuyển, biến đổi theo ba luân: **Phiền não luân --> Nghiệp luân --> Quả luân --> Phiền não luân...**



1- Phiên não luân khiến tạo nghiệp luân.

Chúng sinh còn *vô minh*, *lục ái*, *tứ thu* làm nhân duyên khiến tạo nên thiện nghiệp, bất thiện nghiệp do thân, khẩu, ý.

* *Phiên não làm nhân duyên tạo thiện nghiệp.*

Số chúng sinh do *vô minh* không biết rõ chân lý Tứ thánh đế, không biết khổ của ngũ uẩn, do đó, muốn hưởng sự an lạc tạm thời nên tạo mọi thiện nghiệp như:

- Dục giới thiện nghiệp cho quả an lạc ở cõi dục giới.
- Sắc giới thiện nghiệp cho quả an lạc ở cõi sắc giới.
- Vô sắc giới thiện nghiệp cho quả an lạc ở cõi vô sắc giới.

Sự an lạc trong cõi tam giới này không phải là chân lý, mà chúng chỉ có tính cách tạm thời tùy theo năng lực của thiện nghiệp ấy.

** Phiền não làm nhân duyên tạo bất thiện nghiệp.*

Số chúng sinh do *vô minh* không biết rõ bất thiện nghiệp (*ác nghiệp*) cho quả khổ ở kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp ở vị lai. Và cũng có số chúng sinh dầu nghe hiểu biết bất thiện nghiệp cho quả khổ như vậy, nhưng vì *vô minh, tham ái*, có nhiều năng lực quá, nên xui khiến tạo mọi bất thiện nghiệp bằng thân như: sát sanh, trộm cắp, tà dâm; bằng khẩu như: nói dối, nói lời đâm thọc chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích; bằng ý như: tham lam, thù hận, tà kiến.

Như vậy, gọi là Phiền não luân khiến tạo Nghiệp luân.

2- Nghiệp luân cho quả luân

Chúng sinh còn phiền não đã tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, thì ắt phải thọ quả của thiện nghiệp, bất thiện nghiệp ấy.

Nếu thiện nghiệp cho quả, thì được thọ hưởng quả báu an lạc ở kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai như sau:

*** Quả báu ở kiếp hiện tại:**

- Mắt được nhìn thấy những hình ảnh đáng hài lòng.
- Tai được nghe những âm thanh đáng hài lòng.
- Mũi được ngửi những mùi đáng hài lòng.
- Lưỡi được nếm những vị đáng hài lòng.
- Thân được tiếp xúc êm ấm, đáng hài lòng.
- Tâm được an lạc...

*** Quả báu kiếp vị lai:**

- Dục giới thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người, sẽ là người lục căn đầy đủ, giàu sang phú quý... hoặc tái sanh làm chư thiên ở trong 6 cõi trời dục giới, sẽ hưởng sự an lạc, sự sống lâu ở cõi trời dục giới ấy cho đến hết tuổi thọ.

- Sắc giới thiện nghiệp, đó là 4 bậc thiện hữu sắc, sẽ cho quả tái sinh làm phạm thiên trong 16 cõi trời sắc giới, tùy theo bậc thiện sở đắc của mình, và sẽ hưởng sự an lạc vi tế hơn ở cõi dục giới, sự sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời sắc giới ấy.

- Vô sắc giới thiện nghiệp, đó là 4 bậc thiện vô sắc, sẽ cho quả tái sinh làm phạm thiên có tứ uẩn (*không có sắc uẩn*) trong 4 cõi trời vô sắc giới, tùy theo bậc thiện sở đắc của mình, và sẽ hưởng sự an lạc vi tế hơn ở cõi trời sắc giới, sự sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời vô sắc giới ấy.

3- Quả luân sanh phiền não luân

Quả luân là sự hiện hữu của mỗi chúng sinh trong tam giới: chúng sinh có ngũ uẩn ở cõi dục giới và cõi sắc giới, hoặc chúng sinh có tứ uẩn (*không có sắc uẩn*) ở cõi vô sắc giới, hoặc chúng sinh có nhất uẩn là sắc uẩn (*không có 4 danh uẩn*), ở cõi sắc giới Vô tướng thiên. Tất cả chúng sinh này đều chưa diệt đoạn tuyệt được phiền não, vô minh, tham ái..., cho nên khi có nhân duyên thì phiền não phát sanh, khiến tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp; rồi trở lại vòng tam luân chuyển biến không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thủy đến vô chung trong vòng khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Ba luân này chuyển biến theo định luật nhân-quả như:

Phiền não luân là **nhân** - Nghiệp luân là **quả**; Nghiệp luân là **nhân** - Quả luân là **quả**, Quả luân là **nhân** - Phiền não luân là **quả** và tiếp tục như vậy thành vòng tam luân.

Đức Thế Tôn đã diệt đoạn tuyệt được tất cả 1.500 loại *phiền não* rồi, nhổ tận gốc rễ của *vô minh* và *tham ái* bằng 4 Thánh Đạo Tuệ rồi, vòng tam luân tan rã, tách rời không còn luân chuyển được nữa, do phá hủy được phiền não luân.

Do đó: Đức Thế Tôn có Ân Đức *Araham* với ý nghĩa phá huỷ vòng luân hồi sanh tử trong ba giới bốn loài.

4- Araham có ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo như thế nào?

Nơi kín đáo là nơi không một ai thấy, không một ai nghe, không một ai biết, cũng không có một ai nghi ngờ. Đối với người còn có bất thiện tâm, nơi

kín đáo là nơi dễ hành ác do thân, khẩu, ý vì không sợ ai chê trách. Nhưng đối với Đức Thế Tôn là bậc đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não, bất thiện tâm không còn nữa, nên thân, khẩu, ý của Ngài lúc nào cũng hoàn toàn trong sạch thanh tịnh. Cho nên, dầu ở nơi kín đáo, không một ai thấy, không một ai nghe, không một ai biết, không một ai nghi ngờ, thì Đức Thế Tôn cũng không bao giờ hành ác do thân, khẩu, ý nữa.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Araham*, với ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo.

5- *Araham* có ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường như thế nào?

Đức Thế Tôn là bậc cao thượng độc nhất vô nhị trong mười ngàn thế giới chúng sinh. Thật vậy, trong toàn thể chúng sinh không có một người, một Sa môn, Bà la môn, chư thiên, phạm thiên... nào cao thượng hơn Đức Thế Tôn về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Chỉ Đức Thế Tôn mới có **giới hạnh** trong sạch hoàn toàn thanh tịnh; có **định** hoàn toàn thanh tịnh; có **tuệ** hoàn toàn thanh tịnh; có **giải thoát** hoàn toàn thanh tịnh; có **giải thoát tri kiến** hoàn toàn thanh tịnh. Chỉ có Đức Thế Tôn có đầy đủ 5 pháp: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến hoàn toàn thanh tịnh mà thôi. Vì vậy, Đức Thế Tôn là bậc cao thượng nhất trong toàn thể chúng sinh, là bậc xứng đáng cho chúng sinh lễ bái cúng dường. Chúng sinh lễ bái cúng dường rồi, sẽ được quả báu cao quý, được sự tiến hoá, sự lợi ích, sự an lạc lâu dài. Như Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khuru, bậc cao thượng độc nhất, khi xuất hiện trên thế gian để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho phần đông chúng sinh, để tế độ chúng sinh, nhân loại, chư thiên, phạm thiên. Bậc cao thượng độc nhất ấy là ai?"

Bậc cao thượng độc nhất ấy chính là Như Lai, bậc Arahán, bậc Chánh Đẳng Giác.

"Này chư Tỳ khuru, Như Lai là bậc cao thượng độc nhất, khi xuất hiện trên thế gian để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho phần đông chúng sinh, nhân loại, chư thiên, phạm thiên". (Bộ Anguttaranikàya, phần Ekakadhamma).

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Araham* với ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của tất cả chúng sinh.

Ân Đức "Araham" có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi tế, rộng lớn, vô lượng vô biên. Qua năm ý nghĩa tóm tắt để hiểu biết rõ một phần ý nghĩa về Ân Đức Araham. Đặc biệt đáng ghi nhớ ý nghĩa "**bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của tất cả chúng sinh**".

---o0o---

Niệm Ân Đức Araham

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Araham*" này, sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai hoạ, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Araham... Araham... Araham...*", hoặc câu Ân Đức Araham: "*Itipi so Bhagavà Araham..., Itipi so Bhagavà Araham..., Itipi so Bhagavà Araham...*", làm đối tượng thiền định.

Đề mục niệm Ân Đức Phật này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc vi tế, rộng lớn vô lượng vô biên, vì vậy, định tâm không thể an trú vào một điểm nào nhất định được, nên chỉ có khả năng chứng đạt đến **cận định** (*upacàrasamàdhi*), mà không thể chứng đạt đến **an định** (*appanàsamàdhi*), nên không thể chứng đắc được bậc thiền hữu sắc nào. Như vậy, cận định tâm này vẫn còn thuộc dục giới đại thiện tâm.

Do năng lực dục giới thiện nghiệp tiến hành niệm Ân Đức Phật này sẽ cho quả như sau:

- **Kiếp hiện tại:** hành giả là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo; có trí tuệ sáng suốt, phước thiện tăng trưởng, tránh được mọi tai hoạ, thân tâm thường an lạc.

- **Kiếp vị lai:** Hành giả sau khi chết, nếu thiện nghiệp này cho quả tái sinh làm người sẽ là người có đầy đủ tam nhân (*vô tham, vô sân, vô si*) cao quý, được nhiều người quý mến, kính trọng.

* Tái sinh làm chư thiên ở cõi trời nào trong 6 cõi trời dục giới, sẽ là một chư thiên có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời, hưởng sự an lạc cao quý đến hết tuổi thọ ở cõi trời ấy.

Dục giới thiện nghiệp này có thể cho quả tốt lành suốt nhiều kiếp, đặc biệt còn làm duyên lành dễ dàng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn trong kiếp vị lai nào đó.

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ NHÌ

II- "Itipi so Bhagavà Sammàsambuddho"

(Cách đọc: *Í-tí-pí-xô phá-gá-voa Săm-ma-săm-but-thô*).

Đức Thế Tôn có Ân Đức **Sammàsambuddho**.

Sammàsambuddho = Đức Chánh Đẳng Giác là bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trên toàn thế giới chúng sinh.

Chân lý Tứ thánh đế

1- Khổ thánh đế: Đó là **ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp** trong tam giới là pháp nên biết. Chính Đức Phật tự mình đã biết rõ xong rồi.

2- Nhân sanh khổ thánh đế (Tập thánh đế): Đó là **tham ái** là pháp nên diệt. Chính Đức Phật tự mình đã diệt tất cả xong rồi.

3- Diệt khổ thánh đế (Diệt thánh đế): Đó là **Niết Bàn** là pháp nên chứng ngộ. Chính Đức Phật tự mình đã chứng ngộ Niết Bàn xong rồi.

4- Pháp hành chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt khổ thánh đế (Đạo thánh đế): Đó là Bát Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*; là pháp nên tiến hành. Chính Đức Phật tự mình đã tiến hành xong rồi.

Đức Thế Tôn tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, bằng trí tuệ quán xét pháp "*Thập nhị duyên sanh*".

Như: *Avijjà paccayà sankhàrà...*

- *Do vô minh làm duyên, nên hành sanh...*

Đức Thế Tôn đã chứng ngộ *Khổ thánh đế* và *Nhân sanh Khổ thánh đế*.

Và trí tuệ quán xét "*Thập nhị nhân diệt*".

Như: *Avijjàyatveva asesaviràganirodhà sankhàranirodho...*

- *Do diệt tận vô minh, tham ái không còn dư sót, nên diệt hành...*

Đức Thế Tôn đã chứng ngộ *Diệt Khổ thánh đế* và *Pháp hành để chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt Khổ thánh đế*.

Điều này Đức Phật đã khẳng định với nhóm 5 Tỳ khuru trong bài kinh Chuyển Pháp Luân (Samyuttanikàya, Mahàvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta):

"Này chư Tỳ khuru, khi nào trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ thật tánh của Tứ thánh đế theo Tam tuệ luân (trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành), thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh đã phát sanh đến với Như Lai.

Này chư Tỳ khuru, khi ấy Như Lai khẳng định tuyên bố rằng "Như Lai đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh, nhân loại, vua chúa, Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Ma vương, phạm thiên cả thảy".

Như vậy, Đức Thế Tôn đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trên toàn thế giới chúng sinh, nên có Ân Đức **Sammàsambuddho** = Chánh Đẳng Giác.

Đức Chánh Đẳng Giác đặc biệt có đủ 5 pháp **Neyyadhamma**: là tất cả pháp nên biết của bậc Chánh Đẳng Giác là:

1- **Sankhàra**: Tất cả pháp hành cấu tạo.

2- **Vikàra**: Sắc pháp biến đổi.

3- **Lakkhana**: Trạng thái sanh trụ diệt của sắc pháp.

4- **Pannattidhamma**: *Chế định pháp*: Chế định ngôn ngữ để gọi tên thuyết giảng các pháp.

5- *Nibbàna*: Niết Bàn, pháp diệt Khổ thánh đế.

Đức Chánh Đẳng Giác hoặc Đức Toàn Giác vì có đầy đủ 5 pháp ấy, nên Ngài chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp tế độ chúng sinh⁹.

Còn bậc Thánh Thanh Văn, sở dĩ thuyết pháp tế độ chúng sinh được là do nhờ nghe học hỏi theo lời giáo huấn của Đức Phật.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Sammà-sambuddho* = Đức Chánh Đẳng Giác.

---o0o---

NIỆM ÂN ĐỨC SAMMÀSAMBUDDO

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Sammàsambuddho*" này, sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hi lặc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Sammàsambuddho...*, *Sammà-sambuddho...*, *Sammàsambuddho...*", hoặc câu Ân Đức Sammàsambuddho: "*Itipi so Bhagavà Sammà-sambuddho..., Itipi so Bhagavà Sammàsambuddho..., Itipi so Bhagavà Sammàsambuddho...*", làm đối tượng thiền định...

(Phần còn lại giống như Ân Đức Araham).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ BA

III- Itipi so Bhagavà vijjàcaranasampanno

(Cách đọc: Í-ti-pí-xô phá-gá-voa Vít-xà-chá-rá-ná-săm-băn-nô).

Đức Thế Tôn có ân đức *Vijjàcaranasampanno* = Đức Minh Hạnh Túc.

Đức Minh Hạnh Túc là bậc có trọn đủ Tam minh, Bát minh và 15 Đức hạnh cao thượng.

Tam Minh

1- Túc mạng minh: Là trí tuệ thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ trở lại tiền kiếp từ một kiếp, hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp, hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hàng triệu triệu kiếp... Đối với Đức Phật Toàn Giác có khả năng ghi nhớ lại vô số kiếp không có giới hạn. (*Còn đối với Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác có giới hạn*).

Túc mạng minh biết rõ tiền kiếp thuộc loại chúng sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, ba la mật, thọ lạc, thọ khổ, tuổi thọ... đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

2- Thiên nhãn minh: Là trí tuệ thấy rõ biết rõ như mắt của chư thiên, phạm thiên, có khả năng thấy rõ biết rõ kiếp quá khứ, kiếp vị lai của tất cả chúng sinh.

Thiên nhãn minh có hai loại:

a) **Tử sanh minh:** Là trí tuệ biết rõ sự tử, sự tái sanh của tất cả chúng sinh.

Đức Thế Tôn có *Tử sanh minh* này biết rõ chúng sinh sau khi chết rồi do nghiệp nào cho quả tái sanh ở cảnh giới nào.

b) **Vị lai kiến minh:** Là trí tuệ thấy rõ những kiếp vị lai của chúng sinh.

Chư Phật dùng *Vị lai kiến minh* này để thọ ký chúng sinh trong những kiếp vị lai xa xăm; còn thời gian bao nhiêu đại kiếp trái đất nữa sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Độc Giác Phật, bậc Thánh Thanh Văn...

3- Lộ tận minh: Là trí tuệ thiên tuệ siêu tam giới đó là 4 Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt được 4 pháp phiền não trầm luân không còn dư sót; đồng thời Đức Thế Tôn tận diệt được tất cả mọi tiền khiên tật (*vàsanà*) do tích lũy từ vô lượng kiếp trong quá khứ.

Bát Minh

1- *Túc mạng minh.*

2- *Thiên nhãn minh.*

3- *Lộ tận minh.*

4- **Thiền tuệ minh:** Trí tuệ thiền tuệ tam giới thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp sắc pháp, và trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới chứng đắc Thánh Đạo Tuệ, Thánh Quả Tuệ và Niết Bàn.

5- **Hoá tâm minh:** Trí tuệ có khả năng hoá thân khác theo mong muốn của mình, do năng lực của thiền định. Như trường hợp Đức Phật thuyết tạng Vi Diệu Pháp vào hạ thứ bảy tại cung Tam thập tam thiên suốt ba tháng. Mỗi ngày đến giờ đi khát thực, Đức Phật hoá thân khác như Đức Phật tiếp tục thuyết pháp, còn chính Đức Phật thật đi khát thực ở Bắc câu lưu châu. Khi độ ngộ xong trở lại cung trời thay thế Đức Phật hoá thân, chỉ có một số ít chư thiên, phạm thiên bậc cao có nhiều oai lực mới biết được.

6- **Thần thông minh:** Trí tuệ có khả năng biến hoá nhiều phép thần thông khác nhau do năng lực thiền định, như một người hoá thành nhiều người, tàng hình không ai thấy, hiện hình nơi khác, đi xuyên qua núi, đi trên hư không...

7- **Thiên nhĩ minh:** Là trí tuệ như tai của chư thiên có khả năng nghe được nhiều thứ tiếng người, tiếng súc sanh, tiếng chư thiên gần xa do năng lực thiền định.

8- **Tha tâm minh:** Là trí tuệ có khả năng biết đến tâm của người khác, chúng sinh khác đang nghĩ gì, thiện tâm hoặc bất thiện tâm.

Đó là Tam minh, Bát minh.

15 Đức Hạnh Cao Thượng

1- Có **giới đức** hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh.

2- **Thu thúc lục căn thanh tịnh:** thu thúc khi thấy bằng mắt, nghe bằng tai, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, tiếp xúc bằng thân, suy nghĩ bằng ý hoàn toàn thanh tịnh.

3- **Biết tri túc trong vật thực:** nhận vật thực vừa đủ thọ thực, khi thọ thực đàng hoàng, còn 4-5 miếng cơm nữa đủ no, biết ngừng lại để dành uống nước, không dùng no quá.

4- **Tinh tấn tinh thức:** ngày, đêm tinh tấn hành phận sự, nghĩa là suốt ngày không ngủ, ban đêm có 3 canh; **canh đầu:** ngồi hành đạo, đi kinh hành; **canh giữa:** (22 giờ khuya) nằm nghỉ ngủ trong tư thế nằm nghiêng bên

phải, có trí nhớ trí tuệ trước khi ngủ, sẽ thức dậy lúc cuối canh giữa; *canh chót*: (2 giờ sáng) hành đạo, đi kinh hành... Gọi là tinh tấn luôn luôn tỉnh thức.

5- **Đức tin**: có đức tin không lay chuyển.

6- **Trí nhớ**: thường có trí nhớ.

7- **Hổ thẹn**: biết tự mình hổ thẹn, không làm mọi tội ác.

8- **Ghê sợ**: biết ghê sợ, không làm mọi tội ác.

9- **Đa văn túc trí**: học nhiều hiểu rộng tất cả các pháp.

10- **Tinh tấn**: có tâm tinh tấn không ngừng nghỉ.

11- **Trí tuệ**: có trí tuệ hiểu biết rõ tất cả các pháp.

12- **Đệ nhất thiên**: có đệ nhất thiên hữu sắc và vô sắc.

13- **Đệ nhị thiên**: có đệ nhị thiên hữu sắc và vô sắc.

14- **Đệ tam thiên**: có đệ tam thiên hữu sắc và vô sắc.

15- **Đệ tứ thiên**: có đệ tứ thiên hữu sắc và vô sắc.

Đó là 15 đức hạnh cao thượng.

Đức Thế Tôn có trọn đủ Tam minh, Bát minh và 15 Đức hạnh cao thượng hợp với trí đại bi để tế độ chúng sinh, có hữu duyên nên tế độ, cứu vớt chúng sinh ấy giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Vijjācarana-sampanno* = Đức Minh Hạnh Túc.

Niệm Ân Đức Vijjācaranasampanno

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Vijjācaranasampanno*" này, sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Vijjācaranasampanno...*, *Vijjācaranasampanno...*, *Vijjācaranasampanno...*", hoặc câu Ân Đức Vijjācaranasampanno: "*Itipi so Bhagavā Vijjācaranasampanno..., Itipi so Bhagavā*

Vijjācaranasampanno..., Itipi so Bhagavā Vijjā-caranasampanno...", làm
đối tượng thiền định...

(Phần còn lại giống như Ân Đức Arahān).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ TƯ

IV- Itipi so Bhagavā Sugato

(Cách đọc: Í-tí-pí-xô phá-gá-voa Sú-gá-tô)

Đức Thế Tôn có Ân Đức **Sugato** = Đức Thánh Thiện.

Sugato có 4 ý nghĩa:

- 1- Ngự theo Thánh Đạo.
- 2- Ngự đến Niết Bàn an lạc tuyệt đối.
- 3- Ngự đến mục đích cao thượng bất thoái chí.
- 4- Thuyết pháp chân lý đem lại sự lợi ích cho chúng sinh.

Giải thích:

1- Sugato có ý nghĩa ngự theo Thánh Đạo như thế nào?

Đức Thế Tôn ngự (*hành*) theo Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là:

- **Chánh kiến:** Trí tuệ thấy chân chính, đó là trí tuệ thiên tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

- **Chánh tư duy:** Tư duy chân chính, đó là tư duy thoát khỏi ngũ trần, tư duy không thù oán, tư duy không hại chúng sinh.

- **Chánh ngữ:** Lời nói chân chính, đó là không nói dối, không nói lời đâm thọc chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích.

- **Chánh nghiệp:** Hành nghiệp chân chính, đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

- **Chánh mạng:** Nuôi mạng chân chính, đó là không sống theo tà mạng do hành ác.

- **Chánh tinh tấn:** Tinh tấn chân chính là:

* Tinh tấn ngăn ác pháp phát sanh.

- * Tinh tấn diệt ác pháp đã sanh.
- * Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh.
- * Tinh tấn làm cho tăng trưởng thiện pháp đã sanh.

- **Chánh niệm:** Niệm chân chính, đó là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

- **Chánh định:** Định chân chính, đó là định tâm trong đệ nhất thiền, đệ nhị thiền, đệ tam thiền, đệ tứ thiền, đệ ngũ thiền siêu tam giới có Niết Bàn làm đối tượng.

Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh này đồng sanh trong Thánh Đạo tâm, Thánh Quả tâm, có Niết Bàn làm đối tượng.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức Sugato với ý nghĩa ngự theo Thánh Đạo.

2- Sugato có ý nghĩa ngự đến Niết Bàn an lạc tuyệt đối như thế nào?

Đức Thế Tôn là bậc đầu tiên chứng ngộ Niết Bàn bằng trí tuệ thiên tuệ siêu tam giới, đó là 4 Thánh Đạo Tuệ, 4 Thánh Quả Tuệ, nên Ngài có Ân Đức Sugato với ý nghĩa ngự đến Niết Bàn an lạc tuyệt đối.

Về sau, Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ các hàng đệ tử cũng chứng ngộ Niết Bàn bằng Thánh Đạo Tuệ, Thánh Quả Tuệ, nhưng những bậc Thánh Thanh Văn này không có Ân Đức Sugato như Đức Thế Tôn, vì không phải bậc đầu tiên chứng ngộ Niết Bàn.

Do đó, chỉ có Đức Thế Tôn mới có Ân Đức **Sugato** với ý nghĩa ngự đến Niết Bàn an lạc tuyệt đối.

3- Sugato có ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng, bất thoái chí như thế nào?

Đức Bồ Tát đạo sĩ **Sumedha**, tiền thân của Đức Thế Tôn, đã phát nguyện sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, được Đức Phật **Dìpankara** thọ ký còn 4 a tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp nữa, sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác có danh hiệu **Gotama**. Từ đó, Đức Bồ Tát trở thành cố định tiếp tục bồi bổ pháp hạnh ba la mật: 10 bậc thường, 10 bậc trung và 10 bậc thượng gồm đủ 30 pháp hạnh ba la mật suốt 4 a tăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp bất thoái chí. Đến kiếp chót, Đức Bồ Tát **Siddhattha** từ bỏ ngai vàng đi xuất gia đã trở thành bậc Chánh Đẳng Giác.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức **Sugato** với ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng bất thoái chí.

4- Sugato có ý nghĩa thuyết pháp chân lý đem lại sự lợi ích cho chúng sinh như thế nào?

Đức Thế Tôn tùy thời thuyết pháp chân lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng sinh, nếu không đem lại lợi ích, thì Đức Thế Tôn không thuyết pháp.

Đức Thế Tôn biết rõ 6 trường hợp; trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng như sau:

1- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng pháp ấy.

2- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng pháp ấy.

3- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dầu người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng pháp ấy.

4- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài không thuyết giảng pháp ấy.

5- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích**, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.

6- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích**, người nghe hài lòng, hoan hỷ, Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức **Sugato** với ý nghĩa thuyết pháp chân lý đem lại sự lợi ích cho chúng sinh.

Ân Đức Sugato có 4 ý nghĩa tóm tắt này, đặc biệt đáng ghi nhớ ý nghĩa đức **Sugato** thuyết pháp chân lý đem lại lợi ích cho chúng sinh.

---o0o---

Niệm Ân Đức Sugato

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Sugato*" này, sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiên hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Sugato..., Sugato..., Sugato...*", hoặc câu Ân Đức Sugato: "*Itipi so Bhagavà Sugato..., Itipi so Bhagavà Sugato..., Itipi so Bhagavà Sugato...*", làm đối tượng thiền định...

(Phần còn lại giống như Ân Đức Arahham).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ NĂM

V- Itipi so Bhagavà Lokavidù

(Cách đọc: *Í-tí-pí-xô phá-gá-voa Lô-ká-vn-đu*).

Đức Thế Tôn có Ân Đức *Lokavidù* = Đức Thông Suốt Tam Giới.

Ý nghĩa Loka

Loka: Thế giới đó là các pháp có sự sanh, sự diệt, sự thành, sự hoại,... nhất là ngũ uẩn chấp thủ của mình, gọi là thế giới.

Thế giới có 3 loại:

1- Chúng sinh thế giới (*sattaloka*).

2- Cõi thế giới (*okàsaloka*).

3- Pháp hành thế giới (*sankhàraloka*).

Đức Thế Tôn có hai loại trí tuệ đặc biệt mà Chư Phật Độc Giác và bậc Thánh Thanh Văn không có là:

- Trí tuệ thấy rõ biết rõ căn cơ cao thấp của mỗi chúng sinh.

- Trí tuệ thấy rõ biết rõ phiền não ngấm ngấm, thiện nghiệp, ác nghiệp của mỗi chúng sinh.

Cho nên, Đức Thế Tôn có khả năng thông suốt cả ba thế giới.

1- Thế nào gọi là chúng sinh thế giới?

Chúng sinh thế giới:

*** Về nơi sanh có 4 loại:**

- **Thai sanh:** Chúng sinh sanh từ bụng mẹ như: loài người, trâu, bò...

- **Noãn sanh:** Chúng sinh sanh từ trứng như: gà, vịt, chim...

- **Thấp sanh:** Chúng sinh sanh từ nơi ẩm thấp như: con dòi, con trùn,...

- **Hoá sanh:** Chúng sinh sanh hiện hữu ngay tức thì như: chư thiên, phạm thiên, loài ngựa quý, atula, chúng sinh địa ngục, con người đầu tiên xuất hiện trên trái đất này...

*** Về uẩn có 3 loại:**

- **Chúng sinh có ngũ uẩn:** sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn ở cõi dục giới và cõi sắc giới.

- **Chúng sinh có tứ uẩn:** thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (*không có sắc uẩn*) ? cõi vô sắc giới.

- **Chúng sinh có nhất uẩn:** sắc uẩn (*không có 4 danh uẩn*) ? cõi sắc giới Vô tướng thiên, v.v...

Đức Thế Tôn biết rõ tất cả mọi loài chúng sinh có căn cơ cao hoặc thấp; có phiền não ngấm ngấm nặng hoặc nhẹ, có bản tánh riêng của mỗi chúng sinh; có nguyện vọng cao quý hoặc thấp hèn, có 5 pháp chủ¹⁰ già dặn hoặc còn non nớt...

Chúng sinh có khả năng chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả trong kiếp hiện tại, hoặc kiếp vị lai trở thành Toàn Giác Phật, hoặc Độc Giác Phật, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác bậc nào...

Chúng sinh không có khả năng chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả trong kiếp hiện tại bởi do nguyên nhân nào...

Đức Thế Tôn thông suốt tất cả các loài chúng sinh không còn dư sót.

2- Thế nào gọi là cõi thế giới?

Cõi thế giới là nơi tạm trú của tất cả các loài chúng sinh hiện hữu tùy theo thiện nghiệp, ác nghiệp cho quả và hỗ trợ chúng sinh.

Tam giới

Tam giới là một thế giới nhỏ, gồm có 31 cõi:

- Dục giới có 11 cõi.
- Sắc giới có 16 cõi.
- Vô sắc giới có 4 cõi.

*** 11 cõi dục giới.**

- 4 cõi ác giới:

- * *Cõi Địa ngục*: có tuổi thọ không nhất định.
- * *Cõi Atula*: có tuổi thọ không nhất định.
- * *Cõi Nga quý*: có tuổi thọ không nhất định.
- * *Cõi Súc sanh*: có tuổi thọ không nhất định.

- 7 cõi thiện dục giới:

- * *Cõi Người*: có tuổi thọ không nhất định.
- * *Cõi Tứ đại thiên vương*: có tuổi thọ 500 tuổi trời, bằng 9 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 50 năm cõi người*).
- * *Cõi Tam thập tam thiên*: có tuổi thọ 1.000 tuổi trời, bằng 36 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm cõi người*).
- * *Cõi Dạ ma thiên*: có tuổi thọ 2.000 tuổi trời, bằng 144 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 200 năm cõi người*).
- * *Cõi Đâu xuất đà thiên*: có tuổi thọ 4.000 tuổi trời, bằng 576 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 400 năm cõi người*).
- * *Cõi Hoá lạc thiên*: có tuổi thọ 8.000 tuổi trời, bằng 2.304 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 800 năm cõi người*).
- * *Cõi Tha hoá tự tại thiên*: có tuổi thọ 16.000 tuổi trời, bằng 9.216 triệu năm cõi người. (*Bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người*).

*** 16 cõi sắc giới phạm thiên.**

- Đệ nhất thiên hữu sắc có 3 cõi:

- * *Cõi Phạm chúng thiên*: có tuổi thọ $\frac{1}{3}$ a tăng kỳ kiếp trụ. (Vivattatthàyì asankheyyakappa = a tăng kỳ kiếp trụ của trái đất.)
- * *Cõi Phạm phụ thiên*: có tuổi thọ $\frac{1}{2}$ a tăng kỳ kiếp trụ.
- * *Cõi Đại phạm thiên*: có tuổi thọ 1 a tăng kỳ kiếp trụ.

- Đệ nhị thiên hữu sắc có 3 cõi:

- * *Cõi Thiếu quang thiên*: có tuổi thọ 2 đại kiếp. (Đại kiếp = trải qua 4 a tăng kỳ: thành - trụ - hoại - không của kiếp trái đất.)

* *Cõi Vô lượng quang thiên*: có tuổi thọ 4 đại kiếp.

* *Cõi Quang âm thiên*: có tuổi thọ 8 đại kiếp.

- **Đệ tam thiên sắc giới có 3 cõi:**

* *Cõi Thiếu tịnh thiên*: có tuổi thọ 16 đại kiếp.

* *Cõi Vô lượng tịnh thiên*: có tuổi thọ 32 đại kiếp.

* *Cõi Biến tịnh thiên*: có tuổi thọ 64 đại kiếp.

- **Đệ tứ thiên sắc giới có 7 cõi:**

* *Cõi Quảng quả thiên*: có tuổi thọ 500 đại kiếp.

* *Cõi Vô tướng thiên*: có tuổi thọ 500 đại kiếp.

* *Cõi Phước sanh thiên*: có 5 cõi dành riêng cho bậc Thánh Bất Lai
chứng đắc đệ tứ thiên hữu sắc:

- *Cõi Vô phiến thiên*: có tuổi thọ 1.000 đại kiếp.

- *Cõi Vô nhiệt thiên*: có tuổi thọ 2.000 đại kiếp.

- *Cõi Thiện hiện thiên*: có tuổi thọ 4.000 đại kiếp.

- *Cõi Thiện kiến thiên*: có tuổi thọ 8.000 đại kiếp.

- *Cõi Sắc cứu cánh thiên*: có tuổi thọ 16.000 đại kiếp.

* 4 cõi vô sắc giới phạm thiên.

- *Không vô biên xứ thiên*: có tuổi thọ 20.000 đại kiếp.

- *Thức vô biên xứ thiên*: có tuổi thọ 40.000 đại kiếp.

- *Vô sở hữu xứ thiên*: có tuổi thọ 60.000 đại kiếp.

- *Phi tướng phi phi tướng xứ thiên*: có tuổi thọ 84.000 đại kiếp.

1 thế giới có tam giới, gồm có 31 cõi.

1 tiểu thế giới có 31.000 cõi.

1 trung thế giới gồm có 31 triệu cõi.

1 đại thế giới gồm có 31 triệu triệu cõi hay 31.000 tỉ cõi.

Đức Thế Tôn không những thông suốt 31.000 tỉ cõi mà còn thông suốt vô lượng thế giới (*ananta-cakkavāla*).

3- Thế nào gọi là pháp hành thế giới?

Pháp hành thế giới đó là ngũ uẩn chấp thủ do nhân duyên cấu tạo, nên có sự sanh, sự diệt.

Chúng sinh thế giới và cõi thế giới thuộc về thế giới do *Chế định pháp* (*Pannattidhamma*), còn pháp hành thế giới thuộc về *Chân nghĩa pháp* (*Paramatthadhamma*).

Đức Thế Tôn thông suốt pháp hành thế giới có nhiều loại như sau:

- *Thế giới có 1 pháp*: tất cả chúng sinh được tồn tại do nhờ **nhân** (*àhàra*).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ SÁU

VI- Itipi so Bhagavà Anuttaro purisadammasàrathi

(Cách đọc: *Í-tí-pí-xô Phá-gá-voa Á-nút-tá-rô pú-rrn-sá-đãm-má-sa-rá-thi*).

Đức Thế Tôn có ân đức *Anuttaro purisa-dammasàrathi* = Đức Vô Thượng giáo hoá chúng sinh.

Đức Thế Tôn giáo hoá các loại chúng sinh như: súc sanh, nhân loại, dạ xoa, chư thiên, phạm thiên trở thành bậc Thiện trí.

a) Giáo hoá loài súc sanh

Đức Thế Tôn giáo hoá các loài súc sanh như rồng chúa *Apalàla*, rồng chúa *Cùlodara*, rồng chúa *Mahodara...* trở thành rồng hiền lành. Voi chúa *Nàlàgiri* rất hung dữ trong cơn say, chạy đến hại Đức Thế Tôn, Ngài rải tâm từ đến voi chúa, ngay tức khắc voi chúa tỉnh lại, bò đến quỳ mọp xuống hai bàn chân của Đức Phật, Ngài giáo hoá voi chúa này trở thành voi hiền lành, biết quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới. Kể từ đó về sau, voi chúa rất hiền lành dễ thương, Đức Thế Tôn đặt tên là voi chúa *Dhanapàla*.

b) Giáo hoá người ác trở thành bậc Thánh nhân

Kẻ cướp sát nhân cắt ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ có biệt danh *Angulimàla*. Y có võ nghệ cao cường, một mình ở trong rừng, từng đoàn người 20 - 30 người đi qua khu rừng, không một ai thoát chết.

Một hôm, Đức Thế Tôn một mình đi vào rừng, nơi trú ẩn của Angulimàla, để giáo hoá y. Y thức tỉnh, từ bỏ sát nhân, xin xuất gia trở thành Tỳ khưu nơi Đức Phật. Về sau không lâu Tỳ khưu Angulimàla chứng ngộ

chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, cho đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng...

c) Giáo hoá Dạ xoa ác trở thành bậc Thánh nhân

Tích dạ xoa *Àlavaka* ăn thịt người rất hung ác, tàn bạo, có nhiều phép màu cực kỳ nguy hiểm. Đức Thế Tôn đến ngự trên bảo tọa trong lâu đài của dạ xoa Àlavaka, y bực tức dùng mọi phép màu để xua đuổi Đức Thế Tôn ra khỏi cung điện của y. Nhưng y hoàn toàn bất lực, không xua đuổi Đức Thế Tôn được.

Cuối cùng, y có những câu hỏi mà quên câu trả lời, y đã hỏi nhiều Sa môn, Bà la môn mà không một ai có thể trả lời đúng được. Nay y đem những câu hỏi ấy đặt điều kiện hỏi Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn đã giải đáp đúng ý nghĩa những câu hỏi, dạ xoa Àlavaka vô cùng hoan hỉ liền chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo.

d) Giáo hoá phạm thiên tà kiến trở thành chánh kiến

Phạm thiên *Baka* ở cung trời sắc giới Quang âm thiên phát sanh thường kiến mê lầm. Đức Thế Tôn từ chùa Jetavana, hiện lên cõi trời sắc giới để tế độ phạm thiên Baka từ bỏ tà kiến trở lại chánh kiến...

Đức Thế Tôn giáo hoá tế độ chúng sinh hữu duyên nên tế độ. Nghĩa là, những chúng sinh ấy tiền kiếp có liên quan với Ngài, hoặc tiền kiếp đã từng gieo duyên lành nơi chư Phật trong quá khứ, hoặc đã từng tạo ba la mật, gieo phước duyên trong giáo pháp của chư Phật ấy. Nay kiếp hiện tại, có duyên lành được Đức Thế Tôn quan tâm đến, để giáo hoá tế độ chúng sinh ấy. *(Không có nghĩa Đức Thế Tôn gặp chúng sinh nào cũng giáo hoá tế độ chúng sinh ấy được cả thấy).*

Đức Thế Tôn giáo hoá những chúng sinh mà không có một ai có thể giáo hoá tế độ được, không có một vị nào sánh được như Ngài.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Anuttaro purisa-dammasàrathi* = Đức Vô Thượng giáo hoá chúng sinh.

Riêng Ân Đức Phật *Anuttaro purisadamma-sàrathi*: trong bộ Thanh Tịnh Đạo, phần giảng dạy Ân Đức Phật, Ân Đức Phật này phân chia làm hai Ân Đức riêng biệt.

- *Anuttaro* = Đức Vô Thượng.

- *Purisadammasàrathi* = Đức giáo hoá chúng sinh.

Giải thích:

- **Ân Đức Anuttaro = Đức Vô Thượng như thế nào?**

* Đức Thế Tôn có **giới đức** trong sạch thanh tịnh không một ai trong toàn thế giới hơn Ngài.

Cũng như vậy,

* Có **định đức** trong sạch thanh tịnh...

* Có **tuệ đức** trong sạch thanh tịnh...

* Có **giải thoát đức** trong sạch thanh tịnh...

* Có **giải thoát tri kiến đức** trong sạch thanh tịnh không một ai trong toàn thế giới hơn Ngài.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Anuttaro* = Đức Vô Thượng.

- **Ân Đức Purisadammasàrathi: Đức giáo hoá chúng sinh như thế nào?**

Đức Thế Tôn giáo hoá các loài chúng sinh có duyên lành, mà không có một ai trong toàn thế giới chúng sinh có khả năng giáo hoá tế độ chúng sinh như Ngài được.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức *Purisa-dammasàrathi* = Đức giáo hoá chúng sinh.

Niệm Ân Đức Anuttaro purisadammasàrathi

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Anuttaro purisadamma -sàrathi*", này sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai hoạ, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Anuttaro purisadammasàrathi...*, *Anuttaro purisadammasàrathi...*, *Anuttaro purisadammasàrathi...*", hoặc câu Ân Đức Anuttaro purisadammasàrathi: là "*Itipi*

so Bhagavà Anuttaro purisadammasàrathi..., Itipi so Bhagavà Anuttaro purisadammasàrathi..., Itipi so Bhagavà Anuttaro purisadammasàrathi...”, làm đối tượng thiền định...
(Phần còn lại giống như Ân Đức Araham).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ BẢY

VII- Itipi so Bhagavà Satthàdevamanussànam

(Cách đọc: *Í-ti-pí-xô phá-gá-voa xấ-tha-đê-voá-má-nút-sa-năng*).

Đức Thế Tôn có ân đức **Satthàdevamanussànam**= Đức Thiên Nhân Sư.

Đức Thế Tôn là bậc Tôn Sư giáo huấn tất cả chúng sinh những pháp đem lại sự lợi ích, sự an lạc kiếp hiện tại; những pháp đem lại sự lợi ích, sự an lạc trong kiếp vị lai; và những pháp hành đem lại sự an lạc cao thượng Niết Bàn, tùy theo căn duyên trí tuệ của mỗi chúng sinh.

A) Sự Lợi Ích An Lạc Kiếp Hiện Tại

Đức Thế Tôn giáo huấn chúng sinh thực hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự an lạc trong kiếp hiện tại (Anguttaranikàya-Atthakanipàta, kinh Dìghajànusutta.)

4 pháp là:

- 1- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp.
- 2- Biết giữ gìn của cải tài sản.
- 3- Có bạn lành, bạn tốt là bậc Thiện trí.
- 4- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình.

Giải thích :

1- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp như thế nào?

Trong cuộc sống mỗi người nên chọn cho mình một nghề nghiệp lương thiện, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả mình lẫn người¹¹ . Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp ấy, có trí tuệ hiểu biết chuyên môn trong nghề nghiệp để tạo ra nhiều của cải tài sản cho mình.

2- Biết giữ gìn của cải tài sản như thế nào?

Của cải tài sản được tạo ra do đức tính siêng năng cần mẫn của mình, trong nghề nghiệp một cách hợp pháp. Người ấy nghĩ: *"Ta nên giữ gìn cẩn thận những của cải tài sản này, tránh không để lửa cháy, nước ngập lụt cuốn trôi, bọn trộm cướp chiếm đoạt... giữ gìn của cải tài sản không bị hư mất"*.

3- Có bạn lành, bạn tốt là bậc Thiện trí như thế nào?

Muốn được lợi ích, tiến hoá, an lạc lâu dài, cần phải sống gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí làm bạn thân thiết, để học hỏi những thiện pháp, ác pháp; để biết thiện pháp nên hành, ác pháp nên tránh xa; để noi gương tốt của bậc Thiện trí.

Bậc Thiện trí là người có đức tin chơn chánh; có giới trọn đủ; có đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng; thường hoan hỷ trong sự bố thí; có trí tuệ sáng suốt hiểu biết các pháp.

Nhờ gần gũi, thân cận bạn lành bạn tốt là bậc Thiện trí, nên mình mới có cơ hội học tập, để có đủ đức tin, có giới, học nhiều hiểu rộng, hoan hỷ trong sự bố thí, có trí tuệ hiểu biết các pháp.

4- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình như thế nào?

Nhờ sống gần gũi, thân cận với bạn lành, bạn tốt là bậc Thiện trí, nên học hỏi hiểu biết được con đường làm cho phát triển của cải, và con đường làm của cải suy đồi ¹² .

Biết sử dụng của cải có chừng mực trong cuộc sống là:

- Không nên phung phí của cải quá mức.
- Không nên hà tiện quá mức.

Nên nghĩ rằng: *"Phần thu của ta hơn phần chi, hoặc phần chi của ta kém hơn phần thu"*.

Trong cuộc sống phần thu tiền bạc của cải nhiều hơn mức phần chi, thì tiền bạc của cải có phần dư dật, để dành lúc bịnh hoạn ốm đau, lúc tuổi cao tác lớn không tạo ra của cải được, nhờ có dư của cải tiền bạc thì cuộc sống mới được an lạc.

Ngược lại, phân chi tiền bạc, của cải nhiều hơn mức phân thu, thì tiền bạc, của cải bị thiếu thốn, nên cuộc sống lâm vào cảnh túng thiếu khổ cực.

Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình là lúc nào cũng "*phân thu hơn phân chi*".

Đó là 4 pháp thực hành đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc trong kiếp hiện tại.

B) Sự Lợi Ích An Lạc Những Kiếp Vị Lai

Đức Thế Tôn giáo huấn chúng sinh thực hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc những kiếp vị lai.

4 pháp là:

- 1- Có đức tin trọn đủ.
- 2- Có giới hạnh trong sạch và trọn đủ.
- 3- Có sự bố thí trọn đủ.
- 4- Có trí tuệ trọn đủ.

Giải thích

1- Có đức tin trọn đủ như thế nào?

Người Phật tử có đức tin trong sạch nơi 9 Ân Đức Phật, 6 Ân Đức Pháp, 9 Ân Đức Tăng; tin nghiệp và quả của nghiệp trọn đủ.

Có đức tin trong sạch trọn đủ, nơi 9 Ân Đức Phật rằng:

Đức Thế Tôn,

- là bậc Arahán xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư thiên, phạm thiên, nhân loại.

- là bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế chứng đắc 4 Thánh Đạo
- 4 Thánh Quả đầu tiên trên toàn thế giới chúng sinh, trở thành bậc Chánh Đẳng Giác,

- là bậc có trọn đủ Tam minh, Bát minh và 15 Đức hạnh cao thượng,

- là bậc Thánh Thiện giáo huấn sự thật chân lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng sinh.

- là bậc Thông Suốt toàn thế giới.

- là bậc Vô Thượng Giáo Hoá chúng sinh.

- là bậc Thiên Nhơn Sư.

- là Đức Phật tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, rồi giáo huấn chúng sinh có duyên lành cũng chứng ngộ như Ngài.

- là bậc Cao Thượng nhất trong toàn thể giới chúng sinh, do Ngài tự mình chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác.

Và có đức tin trong sạch trọn đủ 6 Ân Đức Pháp của Đức Phật, 9 Ân Đức Tăng, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật; và có đức tin trong sạch nơi nghiệp và quả của nghiệp. Tin rằng: "*ngiệp thiện cho quả an lạc; nghiệp ác cho quả khổ*". Ngoài ra, không tin một ai có quyền lực cho quả an lạc hoặc cho quả khổ cho mình.

2- Có giới trong sạch và trọn đủ như thế nào?

Người Phật tử là bậc Xuất gia hoặc hàng tại gia cư sĩ, là người có giới hạnh trong sạch và trọn đủ theo phẩm hạnh của mình.

- Người cận sự Nam - Nữ có ngũ giới; bát giới... trong sạch và trọn đủ.

- Bậc Sa di có 10 Sa di giới, 10 pháp hoại, 10 pháp hành phạt, 75 điều học, 14 pháp hành...

- Bậc Tỳ khưu có 227 giới, 14 pháp hành, giới kê đầy đủ có 91.805.036.000 điều giới.

3- Sự bố thí trọn đủ như thế nào?

Người Phật tử có tâm từ, tâm bi tế độ, hoan hỷ trong sự bố thí tùy theo khả năng của mình, có tác ý thiện tâm trong sạch hoan hỷ trước khi bố thí; hoan hỷ đang khi bố thí; hoan hỷ sau khi đã bố thí xong.

Người Phật tử không nên có tâm bòn xén keo kiệt trong của cải và sự hiểu biết của mình, có ít thì bố thí ít, có nhiều thì bố thí nhiều tùy theo khả năng, tùy theo người thọ thí. Người thí chủ nên có sự suy tư đúng đắn rằng: *được làm phước thiện bố thí là một cơ hội tốt cho mình. Vì của cải, tiền bạc không phải là phước thiện (là quả của phước thiện) thuộc về của chung cho mọi người, nếu ta không biết sử dụng đem làm phước bố thí, qua thời gian, của cải ấy cũng bị hư mất, không tồn tại lâu dài được; nếu ta biết sử dụng của cải ấy đem bố thí, để biến thành phước thiện chắc chắn thuộc của riêng mình, sẽ cho quả báu an lạc nhiều kiếp, có tính bền vững lâu dài. Hơn nữa, cơ hội làm phước thiện bố thí chỉ có con người ở cõi NamThiện Bộ Châu (trái đất chúng ta đang sống) này mà thôi; các*

chúng sinh ở cõi khác khó hoặc không có cơ hội thuận lợi làm phước thiện bố thí. Vì vậy, chúng ta chớ nên bỏ lỡ cơ hội bố thí ấy.

4- Có trí tuệ trọn đủ như thế nào?

Người Phật tử nên có trí tuệ hợp trong mọi thiện pháp. Khi bố thí, thí chủ nên có đại thiện tâm hợp với trí tuệ đang khi bố thí. Cũng như vậy, hành giả nên có đại thiện tâm hợp với trí tuệ khi giữ giới, khi tiến hành thiền định, tiến hành thiên tuệ.

Thật ra, trí tuệ để cho trọn đủ là **trí tuệ thiên tuệ** trong tam giới thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

Trí tuệ gọi là trọn đủ chính là **trí tuệ thiên tuệ siêu tam giới**, đó là 4 Thánh Đạo tuệ, đồng sanh trong 4 Thánh Đạo tâm và 4 Thánh Quả tuệ đồng sanh trong 4 Thánh Quả tâm, có Niết Bàn làm đối tượng. Hành giả trở thành bậc Thánh nhân.

Đó là 4 pháp thực hành sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiên hoá, sự an lạc lâu dài cho kiếp hiện tại, lẫn nhiều kiếp vị lai.

C) Sự Lợi Ích An Lạc Cao Thượng Niết Bàn

Đức Thế Tôn có hai loại trí tuệ đặc biệt.

- *Trí tuệ thấy rõ biết rõ căn duyên cao thấp của mỗi chúng sinh.*
- *Trí tuệ thấy rõ biết rõ phiền não ngủ ngầm của mỗi chúng sinh.*

Hai loại trí tuệ đặc biệt này chỉ có nơi Đức Phật Toàn Giác mà thôi, còn các bậc Thánh Thanh Văn hoàn toàn không thể có (2 loại trí tuệ này). Cho nên, mỗi khi Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ chúng sinh nào, Ngài quán xét căn duyên của chúng sinh ấy. Chúng sinh nào đã từng tạo ba la mật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, đã từng gặp Chư Phật ở quá khứ thọ ký rồi. Nay kiếp hiện tại này gặp Đức Phật, Ngài thuyết pháp giáo huấn hợp với căn cơ và duyên lành của chúng sinh ấy. Sau khi lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp xong, có số chúng sinh liền chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

* Có số chứng đắc đến Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhất Lai.

* Có số chứng đắc đến Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Bất Lai.

* Có số chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán.

Sự chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả này tùy theo 5 pháp chủ và ba la mật, nhất là trí tuệ ba la mật của mỗi chúng sinh.

Bốn bậc Thánh nhân này đều chứng đạt đến sự lợi ích, sự an lạc cao thượng Niết Bàn.

Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ chúng sinh không những nhân loại, chư thiên, phạm thiên được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài, mà còn có loài súc sanh cũng được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài nữa.

Như tích *Mandukadevaputta* (*Chư Thiên Éch* -Khuddkanikàya, bộ Vimànavatthu chuyện Mandukadevaputta.), tóm lược như sau:

-- Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự đến bờ hồ Gaggarà thuyết pháp tế độ dân chúng Campà, một con ếch nhảy lên bờ hồ nằm nghe giọng nói của Đức Thế Tôn, với đức tin trong sạch nơi Ngài.

Khi ấy, một người chăn bò đứng đằng sau lắng nghe pháp, tay cầm cây nhọn vô ý cắm xuống đất đụng phải đầu con ếch đang nằm nghe giọng nói của Đức Thế Tôn với đức tin trong sạch, con ếch chết ngay khi ấy. Sau khi chết, do thiện nghiệp ấy liền hoá sanh làm thiên nam ở cõi Tam thập tam thiên trong một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ, có chư thiên nữ hầu hạ. Vị thiên nam quán xét rằng: "*Ta từ đâu đến hoá sanh làm thiên nam ở cõi Tam thập tam thiên này?*".

Vị thiên nam nhớ lại tiền kiếp mình là loài ếch sống dưới hồ Gaggarà, lên bờ nằm lắng nghe giọng Đức Phật thuyết pháp, với đức tin trong sạch; kiếp ếch ấy chết rồi, do nhờ thiện nghiệp ấy được hoá sanh làm thiên nam ở cõi trời này. Thấy rõ Đức Thế Tôn đang còn thuyết pháp tại gần bờ hồ Gaggarà, vị thiên nam ếch quyết định hiện xuống hầu Đức Phật, còn đem theo lâu đài bằng vàng cùng chư thiên nữ, có hào quang sáng ngời đánh lễ dưới hai bàn chân của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn biết rõ, nhưng muốn cho các hàng đệ tử thấy rõ quả báu nghe pháp, nên Ngài hỏi:

***"Ko me vandàti padàni,
iddhiyà yasasà jalam.***

***Abhikkantena vannena,
sabbà obhàsayam disà".***

"Này thiên nam, người là ai mà có thân hình xinh đẹp, hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi hướng, có nhiều oai lực, nhiều chư thiên nữ hầu hạ đến đây đánh lễ dưới 2 bàn chân của Như Lai vậy?"

Chư thiên ếch bạch:

***"Mandùko 'ham pure asim,
udake varigocarò***

***Tava dhammam sunantassa,
avadhi vacchapàlako..."***

"Kính bạch Đức Thế Tôn, con là Manduka, mới kiếp trước đây, là con ếch nhỏ sanh và sống ở trong nước tại hồ này, con nhảy lên hồ đang nghe pháp của Ngài, chính tại nơi đây người chăn bò đứng nghe pháp vô ý cắm cây đung đầu con, làm cho con chết.

Kính bạch Đức Thế Tôn! Chỉ một khoảnh khắc, do nhờ đức tin trong sạch nơi giọng thuyết pháp của Đức Thế Tôn, sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp ấy liền hoá sanh làm thiên nam ở cõi trời, như Ngài nhìn thấy, con có thân hình xinh đẹp, hào quang sáng ngời tỏa khắp mọi nơi, con hưởng sự an lạc, có nhiều oai lực, nhiều chư thiên nữ hầu hạ.

Kính bạch Đức Phật Gotama! Những chúng sinh nào có thời gian lâu dài được nghe pháp của Ngài, những chúng sinh ấy chóng được chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và đạt đến Niết Bàn pháp giải thoát khổ".

Sau đó, Đức Thế Tôn quán xét thấy các hàng đệ tử có đức tin trong sạch, nên Ngài thuyết pháp tế độ, vị thiên nam Manduka cùng với 84.000 chúng sinh gồm có chư thiên và nhân loại đều chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Vị thiên nam Manduka cùng chư thiên nữ cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn và chư Đại Đức Tăng xin phép trở về cõi trời.

Đức Thế Tôn là bậc Tôn Sư không những dạy dỗ các bậc Xuất gia cũng như các hàng tại gia những pháp hành để chứng đạt đến pháp cao thượng, siêu tam giới pháp: 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, an lạc tuyệt đối, mà còn dạy dỗ những pháp hành để đem lại sự an lạc trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai, tùy theo căn duyên lành của mỗi chúng sinh.

Ví dụ: Đức Phật dạy dỗ hàng tại gia phải biết chọn cho mình nghề nghiệp lương thiện, biết cách sử dụng của cải, biết nuôi mạng chơn chánh để đem lại sự an lạc trong kiếp sống hiện tại; dạy dỗ các bậc Xuất gia: Sa di, Tỳ khuru, chỉ dẫn từng li, từng tí; nào là mặc y, đi khát thực, thọ dụng vật thực đàng hoàng, chỗ ở sạch sẽ, dùng thuốc khi bệnh hoạn ốm đau; thậm chí còn chỉ dẫn khi tiểu tiện, đại tiện... Đức Thế Tôn, bậc Tôn Sư dạy dỗ từ việc nhỏ cho đến việc lớn giải thoát khỏi biển khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

---o0o---

Niệm Ân Đức Satthàdevamanussànam

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật "*Ân Đức Satthàdevamanussànam*" này sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Satthàdevamanussànam..., Satthà-devamanussànam..., Satthàdevamanussànam...*", hoặc câu Ân Đức Satthàdevamanussànam: "*Itipi so Bhagavà Satthàdevamanussànam..., Itipi so Bhagavà Satthàdevamanussànam..., Itipi so Bhagavà Satthàdevamanussànam...*", làm đối tượng thiền định...

(Phần còn lại giống như Ân Đức Araham).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ 8

VIII- Itipi so Bhagavà Buddho

(Cách đọc: *Í-tí-pí-xô phá-gá-voa Bút-thô*).

Đức Thế Tôn có Ân Đức **Buddho** = Đức Phật.

Buddho nghĩa là đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn thể giới chúng sinh; rồi Ngài thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành; cũng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả; Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả tùy theo 5 pháp chủ và ba la mật của mỗi chúng sinh.

Do đó, Đức Thế Tôn có Ân Đức **Buddho** = Đức Phật.

Ân Đức "Sammàsambuddho" và Ân Đức "Buddho" khác nhau như thế nào?

- Ân Đức **Sammàsambuddho** nghĩa là tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn thể giới chúng sinh.

Ân Đức **Sammàsambuddho** có 2 loại trí tuệ đặc biệt là:

- Trí tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế đầu tiên.
- Trí tuệ thành (*pativedhanàna*).

- Ân Đức **Buddho** nghĩa là không chỉ tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn thể giới chúng sinh, mà còn thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả: Arahán

Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả tùy theo 5 pháp chủ và ba la mật của mỗi chúng sinh.

Ân Đức **Buddho** có 2 loại trí tuệ đặc biệt là:

* Trí tuệ của Bạc Toàn Giác (*Sabbannutanàna*),

* Trí tuệ giáo hóa chúng sinh (*desanàna*).

Đối với Đức Phật có trọn đủ các loại trí tuệ:

- 4 tuệ phân tích (*patisambhidàna*).

- 6 tuệ cá biệt (*asàdhàranàna*).

- 10 tuệ lực (*dasabalanàna*)...

thành tựu cùng lúc với Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả.

Niệm Ân Đức **Buddho**

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật "*Ân Đức Buddho*" này sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức Thế Tôn có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "*Buddho...*, *Buddho...*, *Buddho...*", hoặc câu Ân Đức Buddho: là "*Itipi so Bhagavà Buddho...*, *Itipi so Bhagavà Buddho...*, *Itipi so Bhagavà Buddho...*", làm đối tượng thiền định...

(Phần còn lại giống như Ân Đức Arahàm).

---o0o---

ÂN ĐỨC PHẬT THỨ CHÍN

IX- Itipi so Bhagavà

(Cách đọc: Í-tí-pí-xô phá-gá-voa).

Đức Thế Tôn có Ân Đức **Bhagavà**.

Ân Đức **Bhagavà** = Đức Thế Tôn vô cùng cao thượng nhất trong toàn thế giới chúng sinh. Ân đức này, không phải phụ vương, mẫu hậu của Ngài đ?t tên, cũng không phải chư thiên, phạm thiên nào suy tôn Ngài.

Sự thật, **Ân Đức Bhagavà** này là kết quả qua một quá trình tiên triển tạo 30 pháp hạnh ba la mật trải qua 3 thời kỳ của Đức Chánh Đẳng Giác Bồ Tát.

Ví dụ:

Trường hợp **Đức Phật Gotama** trong thời đại chúng ta.

Tiền thân của Đức Phật Gotama là Đức Bồ Tát có trí tuệ ưu việt, nghĩa là **trí tuệ** có năng lực hơn cả **đức tin** và **tinh tấn**, đã tạo 30 pháp hạnh ba la mật trải qua 3 thời kỳ.

1- Thời kỳ phát nguyện trong tâm: Đức Bồ Tát có trí tuệ ưu việt phát nguyện trong tâm, đồng thời tạo 30 pháp hạnh ba la mật: 10 pháp hạnh ba la mật bậc thường, 10 pháp hạnh ba la mật bậc trung, 10 pháp hạnh ba la mật bậc thượng suốt thời gian 7 a tăng kỳ (A tăng kỳ âm từ Pàli: asankheyya nghĩa là trải qua vô số kiếp trái đất).

2- Thời kỳ phát nguyện bằng lời: Đức Bồ Tát có trí tuệ ưu việt đã trải qua 7 a tăng kỳ tạo 30 pháp hạnh ba la mật, có đủ năng lực phát nguyện bằng lời cho tất cả chúng sinh nghe biết nguyện vọng của mình, phát nguyện sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, để tế độ chúng sinh, đồng thời tiếp tục tạo 30 pháp hạnh ba la mật thêm suốt 9 a tăng kỳ nữa.

Qua 2 thời kỳ này vẫn còn là **Đức Bồ Tát bất định** (*aniyatabodhisatta*), nghĩa là có thể thay đổi nguyện vọng của mình, trở thành Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác.

3- Thời kỳ được Đức Phật thọ ký: Đức Bồ Tát có trí tuệ ưu việt sau khi đã trải qua 2 thời kỳ: phát nguyện trong tâm và bằng lời, có đầy đủ năng lực mạnh, có thiện tâm bất thối chí, Đức Bồ Tát có duyên lành đến hầu Đức Phật.

Trường hợp vị đạo sĩ Sumedha (tiền thân của Đức Phật Gotama) đến hầu Đức Phật Dìpankara. Đức Phật Dìpankara có Phật nhãn thông suốt vị lai, biết rõ nguyện vọng của vị đạo sĩ Bồ Tát Sumedha sẽ thành tựu được như ý, nên Đức Phật Dìpankara thọ ký vị đạo sĩ rằng:

"Trong thời vị lai, còn 4 a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp trái đất¹³ nữa, vị đạo sĩ Bồ Tát Sumedha này sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Gotama".

Ngài đương nhiên trở thành **Đức Bồ Tát cố định** (*niyatabodhisatta*), bất thoái chí, tiếp tục bồi bổ 30 pháp hạnh ba la mật trải qua 24 Đức Phật thọ ký, Đức Phật thọ ký cuối cùng là Đức Phật **Kassapa**.

Đức Bồ Tát kiếp chót là Thái tử **Siddhattha** xuất gia hành đạo tại đại cội Bồ Đề vào canh chót ngày rằm tháng tư (*âm lịch*). Ngài đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn thế giới chúng sinh. Đồng thời trở thành bậc Chánh Đẳng Giác nên có Ân Đức **Bhagavà** = Đức Thế Tôn.

Ân đức Bhagavà có 6 đức chính: Issariya, Dhamma, Yasa, Siri, Kàma, Payatta.

1- Thế nào gọi Issariya: Tự chủ?

Đức Thế Tôn có tâm tự chủ các pháp tam giới và siêu tam giới.

- **Tâm tự chủ pháp tam giới:** như Đức Thế Tôn hóa phép thân thông song hành (*yamakapatihàriya*) có 2 luồng nước và lửa phát xuất từ kim thân của Ngài; một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên trái, rồi thay đổi, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên trái ; cũng như vậy đến 2 mắt, 2 lỗ tai...

- **Tâm tự chủ pháp siêu tam giới:** Đức Phật thuyết pháp xong, các hàng đệ tử đồng thanh nói lên lời hoan hỉ "**Sàdhu - sàdhu**" trong thời gian khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, Đức Thế Tôn có thể nhập Arahán Thánh Quả định để hưởng sự an lạc Niết Bàn.

Đó gọi là **Issariya** = tự chủ.

2- Thế nào gọi là Dhamma: Chánh pháp?

Đức Thế Tôn đã chứng đắc 9 *siêu tam giới pháp* đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn đầu tiên trong toàn thế giới chúng sinh, diệt đoạn tuyệt tất cả 1.500 loại phiền não, 108 loại tham ái, và tất cả mọi tiền khiên tật do tích lũy vô lượng kiếp quá khứ.

Đó gọi là **Dhamma** = Chánh pháp.

3- Thế nào gọi là Yasa: Tiếng tốt lành?

Ân đức của Đức Thế Tôn được lan truyền khắp tất cả mọi chúng sinh, khắp mọi nơi từ cõi người cho đến cõi long vương, đến chư thiên ở 6 cõi trời dục giới, đến chư phạm thiên ở 15 cõi trời sắc giới (*trừ cõi Vô tưởng*

thiên). Và thậm chí ngay cả chư phạm thiên ở cõi vô sắc giới cũng niệm tưởng đến Ân Đức Phật.

Đó gọi là **Yasa** = Tiếng tốt lành.

4- Thế nào gọi là Siri: Hạnh phúc?

Kim thân của Đức Thế Tôn có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của bậc thượng nhân, có hào quang mát mẻ phát ra từ kim thân của Ngài. Nên nhân loại, chư thiên, phạm thiên đến hầu đảnh lễ cúng dường đến Đức Thế Tôn, lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc an lạc phát sanh hỉ lạc. Cho nên, những chúng sinh đến hầu Đức Thế Tôn bao nhiêu lần cũng cảm thấy chưa đủ.

Đó gọi là **Siri** - Hạnh phúc.

5- Thế nào gọi là Kàma: Nguyện ước thành tựu?

Đức Thế Tôn khi còn là Đức Bồ Tát **Sumedha** có nguyện ước:

- "**Buddho bodheyam**". *Như Lai tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh để trở thành Đức Phật rồi, sẽ giáo hóa chúng sinh cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh để trở thành bậc Thánh nhân (tự giác - giác tha).*

Điều ước nguyện ấy đã thành tựu.

- "**Mutto moceyyam**". *Như Lai tự mình giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài rồi, sẽ giáo huấn chúng sinh cũng được giải thoát cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài (tự độ - độ tha).*

Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

- "**Tinno tareyyam**". *Như Lai tự mình vượt qua biển khổ luân hồi, đạt đến Niết Bàn an lạc rồi, sẽ dẫn dắt chúng sinh cùng vượt qua biển khổ luân hồi đạt đến Niết Bàn an lạc (tự đáo - đáo tha).*

Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

Đó gọi là **Kàma** = nguyện ước thành tựu.

6- Thế nào gọi là Payatta: Tinh tấn không ngừng?

Hằng ngày Đức Thế Tôn có sự tinh tấn không ngừng hành 5 phạm sự gọi là **Buddhakkicca** = phạm sự của Đức Phật (Bộ Chú giải Anguttaranikàya, phần Ekakanipata...)

Năm phạm sự của Đức Phật.

1- Phạm sự buổi sáng trước khi độ ngộ (*pure-bhattakicca*).

2- Phạm sự sau khi độ ngộ (*pacchabhattakicca*).

- 3- Phận sự canh đầu đêm (*pathamayàma*).
- 4- Phận sự canh giữa đêm (*majjhimayàma*).
- 5- Phận sự canh chót đêm (*pacchimayàma*).

Giải thích:

a) *Phận sự buổi sáng trước khi độ ngộ như thế nào?*

Mỗi buổi sáng đến giờ đi khát thực, đôi khi Đức Phật ngự đi khát thực một mình để tế độ chúng sinh nào đó; đôi khi Đức Phật cùng với chư Tỳ khuru Tăng ngự đi vào xóm, thành để khát thực. Khi Đức Phật thọ thực xong, có số dân chúng thỉnh Đức Phật thuyết pháp; có số xin quy y Tam bảo thọ trì ngũ giới... có số xin Đức Phật cho phép xuất gia xong, Đức Phật ngự trở về chùa.

b) *Phận sự sau khi độ ngộ như thế nào?*

Khi Đức Phật ngự trở về chùa, rửa chân xong, đứng trên bục giảng, Ngài khuyên dạy chư Tỳ khuru:

"Bhikkhave appamàdena sampàdetha.

Dullabho Buddhuppàdo lokasmim.

Dullabho manussattapatilàbho.

Dullabhà khanasampatti.

Dullabhà pabbajjà

Dullabham saddhammassavanam".

"Này chư Tỳ khuru! Các con hãy nên cố gắng hoàn thành mọi phận sự Tứ thánh đế, bằng pháp không dễ duôi, tiến hành Tứ niệm xứ.

- *Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó.*
- *Được sanh làm người là một điều khó.*
- *Có được cơ hội hành phạm hạnh cao thượng là một điều khó.*
- *Được xuất gia trở thành Tỳ khuru là một điều khó.*
- *Được nghe chánh pháp là một điều khó".*

Đó là những điều khó mà Đức Phật hằng ngày thường khuyên dạy chư Tỳ khuru chớ nên dễ duôi!

Đức Phật ngự vào cốc Gandhakuti, còn chư Tỳ khuru mỗi vị, mỗi nơi để tiến hành thiền định, hoặc tiến hành thiền tuệ.

c) *Phận sự canh đầu đêm như thế nào?*

Canh đầu: Đức Phật giáo huấn chư Tỳ khuru, có số hỏi pháp, luật; có số xin thọ pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ; có số nghe pháp. Qua hết canh đầu, chư Tỳ khuru đánh lễ Đức Phật trở về chỗ ở của mình.

d) *Phận sự canh giữa đêm như thế nào?*

Canh giữa: Đức Phật cho phép chư thiên, phạm thiên trong 10.000 thế giới đến hầu Ngài, đánh lễ xong đứng một nơi hợp lễ bạch hỏi pháp. Đức Phật giảng giải những câu hỏi của chư thiên, phạm thiên xong, hết canh giữa, chư thiên, phạm thiên đánh lễ Đức Phật trở về cảnh giới của mình.

e) *Phận sự canh chót đêm như thế nào?*

Đức Phật phân chia *canh chót* làm ba giai đoạn:

- *Giai đoạn đầu:* Đức Phật đi kinh hành.

- *Giai đoạn giữa:* Đức Phật ngự vào cốc Gandhakuti nghỉ ngơi, nằm nghiêng bên phải, có trí nhớ trí tuệ biết mình thức dậy.

- *Giai đoạn chót:* Đức Phật nhập đại bi định, khi xả định quán xét chúng sinh trong 10.000 thế giới bằng Phật nhãn tuệ, xem xét chúng sinh nào đã có gieo duyên lành với Ngài, đã từng tạo ba la mật từ chư Phật quá khứ đến kiếp hiện tại này, có khả năng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, Ngài ngự đến để tế độ chúng sinh ấy, dầu ở gần hay xa; ở thế giới này hay thế giới khác.

Mỗi ngày mỗi đêm Đức Thế Tôn hành trọn đủ 5 phận sự ròng rã suốt 45 năm, cho đến giây phút cuối cùng tịch diệt Niết Bàn.

Ân Đức ***Bhagavà*** còn nhiều ý nghĩa khác.

Đức Thế Tôn là bậc có trọn đủ các pháp của bậc Tôn Sư.

Do đó, Ngài có Ân Đức ***Bhagavà*** = Đức Thế Tôn.

Niệm Ân Đức Bhagavà

Người Phật tử thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, "*Ân Đức Bhagavà*" này sẽ phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, có trí tuệ sáng suốt, phát sanh hỉ lạc, tăng trưởng tâm tôn kính nơi Đức Thế Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước thiện được tăng trưởng.

Hành giả tiến hành đề mục niệm Ân Đức Phật, Ân Đức "***Bhagavà...***, ***Bhagavà...***, ***Bhagavà...***," hoặc câu Ân Đức Bhagavà: "***Itipi so Bhagavà...***, ***Itipi so Bhagavà...***, ***Itipi so Bhagavà...***," làm đối tượng thiền

định. Đề mục Ân Đức Phật này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc vi tế, rộng lớn vô lượng vô biên, vì vậy định tâm không thể an trú vào một điểm nào nhất định, nên chỉ có khả năng chứng đạt đến cận định, mà không thể chứng đạt đến an định, nên không thể chứng đắc được bậc thiên hữu sắc nào. Như vậy, cận định tâm vẫn còn thuộc dục giới đại thiện tâm.

(Phần còn lại giống Ân Đức Araham).

* * * * *

Đề mục niệm 9 Ân Đức Phật là một đề mục thiên định vô cùng sâu sắc, vi tế, rộng lớn, vô lượng vô biên, vô tận. Do đó, định tâm không thể an trú một đ?i tượng nào nhất định để đạt đến **an định**, nên không thể chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, mà chỉ có thể đạt đến **cận định** mà thôi.

Tiên hành niệm Ân Đức Phật này, hành giả tăng trưởng đức tin trong sạch nơi Đức Phật, có lòng tôn kính sâu sắc nơi Đức Phật, phát sanh hỉ lạc, thân tâm an tịnh, làm vắng lặng phiền não; có trí tuệ sáng suốt, phước thiện tăng trưởng, đặc biệt có thể tránh khỏi những điều rủi ro tai hại đến sanh mạng, cuộc sống thường được an lạc.

Hành giả thường niệm Ân Đức Phật có cảm tưởng như gắn gũi với Đức Phật, nên tâm luôn luôn có sự **hỗ thẹn** và **ghê sợ** mọi tội lỗi, nên giữ gìn giới hạnh trong sạch dễ dàng. Hành giả có giới hạnh trong sạch, có định tâm thường niệm tưởng đến Ân Đức Phật, sau khi chết hy vọng chắc chắn sẽ tái sanh nơi cõi thiện giới.

- Nếu tái sanh làm người sẽ là người có trí tuệ, có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ, ở địa vị cao quý.

- Nếu tái sanh làm chư thiên, sẽ là một thiên nam hoặc thiên nữ có nhiều oai lực, hào quang sáng ngời, hưởng sự an lạc đặc biệt hơn các chư thiên khác.

Hơn thế nữa, tái sanh kiếp nào, nếu gặp Đức Phật hoặc giáo pháp của Đức Phật sẽ dễ dàng phát sanh đức tin trong sạch nơi Tam bảo, lắng nghe chánh pháp, thực hành theo chánh pháp, dễ dàng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

---o0o---

QUẢ BÁU CỦA ĐỀ MỤC NIỆM ÂN ĐỨC PHẬT

Niệm Ân Đức Phật có oai lực tránh được tai họa

Dàrusàkatikaputtavatthu: tích đũa bé, con trai người đốn củi, được tóm lược như sau (Dhammapadatthakathà, chuyện Dàrusàkatikaputtavatthu):

- Trong thành Ràjagaha có 2 đũa bé trai:

Một đũa có chánh kiến, con của gia đình người làm nghề đốn củi, có đức tin nơi Tam bảo.

Một đũa có tà kiến, con của gia đình ngoại đạo.

Hai đũa thường chơi trò bắn bi, đến phiên đũa bé chánh kiến, trước khi bắn viên bi, nó niệm tưởng Ân Đức Phật rằng: "***Namo Buddhassa = con thành kính đảnh lễ Đức Phật***" rồi mới bắn; lần nào nó cũng bắn trúng đích, được thắng cuộc.

Đến phiên đũa bé tà kiến, trước khi bắn viên bi, nó cũng niệm tưởng vị Arahán của nó rằng: "***Namo Arahantànam i= con thành kính đảnh lễ chư Arahán***"¹⁴ rồi mới bắn; lần nào nó cũng bắn không trúng đích, bị thua luôn.

Một hôm, đũa bé chánh kiến theo cha ngồi trên chiếc xe bò đi vào rừng đốn củi. Buổi chiều chở củi về nhà ở trong thành Ràjagaha. Khi đến gần nghĩa địa bên ngoài cổng thành, người cha đũa bé cho xe ngừng lại, thả bò cho ăn cỏ, uống nước. Con bò đi theo đường vào thành, người cha đi tìm bò theo dấu chân vào thành. Khi gặp được con bò, ông định dắt bò trở ra thì cửa thành đã đóng rồi, người cha đành ở lại trong thành chờ đến sáng mai.

Đũa con trai nhỏ nằm trên xe củi chờ người cha, đói khát ngất xỉu nằm ngủ thiếp đi trong xe củi. Ban đêm, có hai dạ xoa đi kiếm ăn, một dạ xoa có *chánh kiến* và một dạ xoa có *tà kiến*, cả hai dạ xoa nhìn thấy đũa bé nằm ngủ mê trên xe, dạ xoa tà kiến bảo rằng: "*Đũa bé kia là vật thực của chúng ta, chúng ta sẽ ăn thịt nó*". Mặc dầu dạ xoa chánh kiến can ngăn, dạ xoa tà kiến vẫn tiến đến đưa tay nắm đôi chân đũa bé, đũa bé này vốn là con của

gia đình có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, cha mẹ dạy cậu bé thường ngày niệm Ân Đức Phật, nên khi dạ xoa vừa nắm chân đứa bé, đứa bé thức tỉnh, cậu liền niệm Ân Đức Phật rằng: "*Namo Buddhassa*". Dạ xoa tà kiến nghe đến Ân Đức Phật, kinh hoàng hoảng sợ rút tay lại. Liên khi ấy, dạ xoa chánh kiến bảo rằng: "*Chúng ta đã phạm phải một tội lỗi lớn rồi! Chúng ta phải chịu hành phạt thôi!*".

- Đứa bé này đang bị đói khát, vậy nhà ngươi hãy vào trong cung điện Đức Vua đem mâm đồ ăn của Đức Vua cho đứa bé này ăn, để lập công chuộc tội lỗi của nhà ngươi. - Dạ xoa chánh kiến bảo.

Dạ xoa tà kiến nghe nói phải, nên biến vào thành lấy mâm đồ ăn ra. Một dạ xoa hóa làm cha và một dạ xoa hóa làm mẹ của đứa bé, cho đứa bé ăn giống như cha mẹ của đứa bé hằng ngày. Đứa bé ăn xong, dỗ đứa bé nằm ngủ ngon; trước khi hai dạ xoa từ giả đứa bé; khắc chữ cho biết những sự việc xảy ra trên chiếc mâm vàng, với cố ý chỉ để một mình Đức Vua thấy biết mà thôi, còn những người khác không thấy, không biết được. Hai dạ xoa trở về chỗ ở của mình.

Sáng hôm sau, trong cung điện của Đức Vua phát giác chiếc mâm vàng cả đồ ăn bị mất trộm. Lnh thị vệ đi lục soát khắp nơi không tìm gặp, rồi ra khỏi thành nhìn thấy chiếc mâm vàng và bộ đồ chén đĩa của Đức Vua nằm trên xe củi, thấy đứa bé trong xe, bèn hỏi: "*Những đồ vật này từ đâu có?*". Đứa bé trả lời: "*Cha mẹ của con đem đến cho con ăn*". Quân thị vệ bắt đứa bé với tang vật rõ ràng, dẫn đến trình Đức Vua.

Đức Vua Bimbisàra cầm chiếc mâm vàng tang vật, nhìn thấy những dòng chữ của dạ xoa ghi lại. Đức Vua hỏi cậu bé:

- *Này con, sự việc xảy ra như thế nào?*

Đứa bé tâu:

- *Tâu Đức Vua, con không ăn trộm, đêm qua cha mẹ con mang đến cho con ăn rồi dỗ con ngủ. Con chỉ biết như vậy thôi.*

Đức Vua truyền lệnh bắt cha mẹ đứa bé dẫn đến trình Đức Vua, rồi dẫn đứa bé và cha mẹ của nó cùng nhau đến hầu Đức Phật tại chùa Veluvana. Đánh lễ Đức Thế Tôn xong bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có phải chỉ có niệm Ân Đức Phật mới hộ trì cho người hành pháp? Còn niệm Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng... có hộ trì cho người hành pháp được hay không? Bạch Ngài.

Đức Phật dạy:

- Này Đại Vương! Không chỉ niệm Ân Đức Phật mới hộ trì cho người hành pháp, mà còn niệm Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, niệm thân ô trước, niệm rải tâm từ, niệm rải tâm bi... cũng được hộ trì cho người hành pháp vậy.

Người Phật tử, ngày đêm tinh tấn niệm Ân Đức Phật: "*Itipi so Bhagavà Araham...*", hoặc niệm ân Đức Pháp: "*Svàkhàto Bhagavatà dhammo...*", hoặc niệm Ân Đức Tăng: "*Suppatipanno Bhagavato sàvakasamgho...*", sẽ là người luôn luôn được tâm trí sáng suốt, không mê muội, tránh mọi tai họa xảy đến cho mình.

Nhân cơ hội ấy, Đức Phật thuyết pháp tế độ, cậu bé và cha mẹ của cậu bé đều chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Về sau, cả người cha, người mẹ và đứa con đều xuất gia tiến hành thiền tu chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán.

---o0o---

Oai Lực Niệm Ân Đức Tam Bảo

Tích Đại Đức *Mahàkappina* (Bộ Dhammapadattakathà, chuyện Mahàkappinattheravatthu), khi Ngài còn là một vị Vua trị vì kinh thành Kukkutavati. Một hôm, Đức Vua cùng 1.000 vị quan cận thần cưỡi ngựa du lãm ngoài thành, gặp nhóm người lái buôn từ kinh thành Sàvatthi đi vào thành, Đức Vua bèn hỏi:

- Này các người, ở kinh thành Sàvatthi có tin lành gì không?

- Tâu Đức Vua: ***Buddho uppanno!*** = ***Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian!***

Đức Vua vừa nghe đến danh hiệu "**Buddho**", thì liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có. Đức Vua hỏi lại đến lần thứ ba, những người lái buôn đều tâu như lần trước, lần nào cũng phát sanh hỉ lạc như vậy. Đức vua hỏi tiếp:

- *Còn tin lành nào khác nữa?*

- *Tâu Đức Vua: **Dhammo uppanno!** = **Đức Pháp đã xuất hiện!***

Đức Vua vừa nghe đến "**Dhammo**", như lần trước, liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có, nên hỏi đến lần thứ ba, nghe tâu đến lần thứ ba, lần nào cũng phát sanh hỉ lạc như vậy. Đức vua hỏi tiếp:

- *Còn tin lành nào khác nữa?*

- *Tâu Đức Vua: **Samgho uppanno!** = **Đức Tăng đã xuất hiện!***

Đức Vua vừa nghe đến "**Samgho**", như hai lần trước, liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có, nên hỏi đến lần thứ ba, nghe tâu đến lần thứ ba, lần nào cũng phát sanh hỉ lạc như vậy.

Đức Vua lấy tám biển vàng ghi 300 ngàn đồng tiền vàng làm tiền thưởng, rồi trao cho nhóm người lái buôn, truyền lệnh đem đến trình Hoàng hậu Anojà để lãnh thưởng. Trong biển vàng, Đức Vua ghi rõ, xin trao ngại vàng lại cho Hoàng hậu lên ngôi trị vì đất nước.

Đức Vua không hồi cung, cùng 1.000 vị quan cận thân từ đó đi đến hầu Đức Phật. Trên đường đi gặp con sông **Aparacchà** sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, với tâm mong muốn sớm hầu Đức Phật, nên Đức Vua niệm **Ân Đức Phật**: "*Itipi so Bhagavà Araham, Sammàsambuddho, Vijjàcaranasampanno, Sugato, Lokavidù, Anuttaropurisadammasàrathi, Satthàdeva-maussànam, Buddho, Bhagavà*". Do oai lực của **Ân Đức Phật**, Đức Vua cùng 1.000 vị quan cưỡi ngựa băng qua sông ấy một cách dễ dàng.

Tiếp đến gặp con sông **Nilavàhini**, cũng sâu và rộng lớn không thuyền bè, như lần trước, Đức Vua niệm **Ân Đức Pháp**: "*Svàkkhàto Bhagavatà Dhammo, Sanditthiko, Akàliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattam veditabbo vinnùhi*". Do oai lực của **Ân Đức Pháp**, Đức Vua cùng các quan cưỡi ngựa băng ngang qua sông ấy một cách dễ dàng như trước.

Tiếp đến lại gặp con sông **Candabhàgà**, cũng sâu và rộng lớn không thuyền bè, như hai lần trước, Đức Vua niệm **Ân Đức Tăng**: "*Suppatipanno Bhagavato Sàvakasamgho, Ujuppatipanno Bhagavato Sàvakasamgho,*

Nàyappatipanno Bhagavato Sàvakasamgho, Sàmìcippatipanno Bhagavato Sàvakasamgho, yadidam cattarì purisayugàni attha purisapuggalà. Esa Bhagavato Sàvakasamgho Àhuneyyo, Pàhuneyyo, Dakkhineyyo, Anjalikaraniyo, Anuttaram punnakkhettam lokassa". Do oai lực của Ân Đức Tăng, Đức Vua cùng các quan cưỡi ngựa băng ngang con sông ấy một cách dễ dàng như hai lần trước.

Như đã biết trước, Đức Phật ngồi dưới gốc cây phóng hào quang 6 màu sáng ngồi làm hiệu cho Đức Vua cùng 1.000 vị quan biết. Tất cả đều đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, rồi ngồi nghe Ngài thuyết pháp. Nghe xong, Đức Vua cùng 1.000 vị quan đều chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, rồi đánh lễ Đức Phật xin xuất gia trở thành Tỳ khuru. Đức Phật quán xét thấy rõ tất cả đều có phước thiện phát sanh 8 món vật dụng của Sa môn, nên Ngài đưa bàn tay phải chỉ bằng ngón trỏ mà truyền dạy:

"Etha bhikkhavo, caratha brahmacariyam sammà dukkhassa antakiriyaàya".

"Các con hãy lại đây! Các con trở thành Tỳ khuru theo nguyện vọng! Chánh pháp mà Như Lai thuyết giảng hoàn hảo đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, các con hãy thực hành phạm hạnh đúng đắn dẫn đến sự tận cùng của khổ đế".

Khi Đức Phật truyền dạy vừa dứt lời, ngay tức thì, Đức Vua cùng 1.000 vị quan trở thành Tỳ khuru có đầy đủ 8 món vật dụng của Sa môn được phát sanh do thần thông. Chư Tỳ khuru ấy có tăng tướng trang nghiêm, lục căn thanh tịnh như vị Tỳ khuru 60 hạ.

Về phần những người lái buôn khi nhận được biển vàng do Đức Vua ban cho, đi thẳng vào cung điện xin yết kiến Hoàng hậu Anojà, trình chiếu chỉ xin lãnh thưởng 300 ngàn đồng vàng. Hoàng hậu thấy vậy bèn hỏi:

- *Các người làm việc gì mà Hoàng thượng ban thưởng số tiền lớn như vậy?*

- *Tâu Hoàng hậu, chúng thần không làm công việc gì, chỉ có báo một tin lành mà thôi.*

- *Các người có thể nói cho ta nghe được không?*

- *Tâu Hoàng hậu! Có thể được: **Buddho uppanno!** = **Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian!***

Hoàng hậu vừa nghe đến danh hiệu "**Buddho**" thì liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có, bà hỏi lại đến lần thứ ba, các người lái buôn tâu lại như lần trước, lần nào cũng phát sanh hỉ lạc. Bà truyền bảo:

- *Còn tin lành nào khác nữa?*

- *Tâu Hoàng hậu: **Dhammo uppanno!** = **Đức Pháp đã xuất hiện!***

Hoàng hậu vừa nghe đến "**Dhammo**", như lần trước liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có, nên hỏi lại lần thứ ba, nghe tâu lần nào cũng phát sanh hỉ lạc như vậy. Bà truyền tiếp:

- *Còn tin lành nào khác nữa?*

- *Tâu Hoàng hậu: **Samgho uppanno!** = **Đức Tăng đã xuất hiện!***

Hoàng hậu vừa nghe đến "**Samgho**", như hai lần trước, liền phát sanh hỉ lạc chưa từng có, nên hỏi lại lần thứ ba, nghe tâu lần nào cũng phát sanh hỉ lạc như vậy.

Hoàng hậu truyền dạy:

- *Ba tin lành lớn lao đến đường ấy, mà Hoàng thượng ban thưởng cho các người có 300 ngàn. Còn ta, mỗi tin lành, ta ban thưởng cho các người 300 ngàn, các người được lãnh thưởng 900 ngàn tiền vàng".*

Như vậy, các lái buôn chỉ báo tin lành Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã xuất hiện mà được lãnh thưởng 1.200 ngàn đồng tiền vàng.

- *Hoàng Thượng cùng 1.000 quan cận thân đi đâu?* - Hoàng hậu hỏi tiếp.

- *Tâu Hoàng hậu, Đức Vua cùng 1.000 quan cận thân đi đến hầu Đức Phật và sẽ xuất gia.* - Các lái buôn trả lời.

Nghe tâu như vậy, Hoàng hậu truyền gọi phu nhân của 1.000 vị quan đến báo tin:

- *Hoàng thượng của chúng ta hay tin lành Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã xuất hiện trên thế gian, Người đã từ bỏ ngai vàng để lại cho ta, như nhỏ bỏ bãi nước miếng, rồi ngự đến hầu Đức Phật, sẽ xuất gia để giải thoát khổ.*

*Chẳng lẽ ta không có khổ hay sao? Đức Vua từ bỏ ngai vàng như **nhỏ bỏ bãi nước miếng**, chẳng lẽ ta lại **quỳ gối liếm bãi nước miếng ấy hay sao?** Ta cũng sẽ đi đến hầu Đức Phật, sẽ xuất gia để giải thoát khổ? Còn các người nghĩ thế nào?*

Nhóm 1.000 phu nhân đồng tâm nhất trí xin đi theo Hoàng hậu đến hầu Đức Phật.

Hoàng hậu truyền sửa soạn ngựa quý, cùng 1.000 phu nhân mỗi người một ngựa theo sau đến hầu Đức Phật, và đi theo con đường mà Đức Vua cùng các quan đã ngựa đi.

Hoàng hậu cùng các phu nhân đi đến con sông Aparacchà, Hoàng hậu *niệm Ân Đức Phật: "Itipi so Bhagavà Araham..."*. Do oai lực Ân Đức Phật, mọi người cùng băng qua con sông ấy một cách dễ dàng.

Tiếp đến con sông Nilavàhini, Hoàng hậu *niệm Ân Đức Pháp: Svàkkhàto Bhagavatà Dhammo..."*. Do oai lực Ân Đức Pháp, mọi người cùng băng qua con sông ấy một cách dễ dàng.

Tiếp đến con sông Candabhàgà, Hoàng hậu *niệm Ân Đức Tăng: "Suppatipanno Bhagavato Sàvakasamgho..."*. Do oai lực Ân Đức Tăng, mọi người cũng đều băng qua con sông ấy một cách dễ dàng. Thế rồi, Hoàng hậu cùng các vị phu nhân ngựa đến hầu Đức Phật.

Đức Thế Tôn biết Hoàng hậu Anojà cùng 1.000 vị phu nhân sắp đến, Ngài phóng hào quang 6 màu sáng ngời làm hiệu, Hoàng hậu cùng các vị phu nhân biết, đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Đức Vua Mahàkappina cùng 1.000 vị quan có đến đây không? Bạch Ngài!

Đức Phật hóa phép thần thông che khuất không để Hoàng hậu cùng 1.000 phu nhân nhìn thấy Tỳ khuru Mahàkappina cùng 1.000 vị Tỳ khuru khác. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Các con hãy ngồi nghe Như Lai thuyết pháp, rồi tại nơi đây các con sẽ nhìn thấy Mahàkappina cùng các quan.

Hoàng hậu cùng 1.000 vị phu nhân an tâm ngồi nghe Đức Phật thuyết pháp. Khi nghe pháp xong, Hoàng hậu cùng 1.000 vị phu nhân đều chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu

Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Đồng thời ngay khi ấy, Tỳ khưu Mahākappina cùng 1.000 vị Tỳ khưu khác đều chứng đắc từ Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán cùng với 4 Tuệ phân tích.

Khi ấy, Đức Phật thấu phép thần thông, Hoàng hậu cùng các phu nhân nhìn thấy Đức Vua Mahākappina cùng 1.000 vị quan, bây giờ ở trong tướng mạo một Tỳ khưu trang nghiêm như vị Đại Đức 60 hạ. Hoàng hậu cùng các vị phu nhân phát sanh đức tin trong sạch, kính xin Đức Thế Tôn xuất gia trở thành Tỳ khưu ni.

Đức Thế Tôn chỉ dạy Hoàng hậu cùng 1.000 phu nhân đến tìm gặp Đại Đức Tỳ khưu ni Uppalavannā chỉ dẫn cách xuất gia trở thành Tỳ khưu ni.

Hoàng hậu cùng 1.000 vị phu nhân sau khi đã trở thành Tỳ khưu ni thời gian không bao lâu, tất cả đều chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán trong giáo pháp của Đức Phật.

Oai lực niệম Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng thật phi thường!

Qua câu chuyện trên, chúng ta hiểu rằng: danh hiệu **Buddho, Dhammo, Samgho** không phải dễ được nghe trong kiếp tử sanh luân hồi ba giới bốn loài, bởi vì, Đức Phật xuất hiện trên thế gian này rất hiếm có; có khi trải qua vô số kiếp trái đất thành - trụ - hoại - không mà không một Đức Phật Toàn Giác nào xuất hiện cả. Cho nên, Đức Phật xuất hiện trên thế gian rất hiếm có, khi Đức Phật xuất hiện, Ngài đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cho chúng sinh; nhất là những chúng sinh nào có đã gieo duyên lành từ Đức Phật ở quá khứ, đã tạo ba la mật trọn đủ; nay kiếp hiện tại này, những hạng chúng sinh ấy gặp được Đức Phật hoặc giáo pháp của Đức Phật chắc chắn sẽ được lợi ích cao thượng là chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

---o0o---

Câu Chuyện Đại Đức Subhūti

Tiền kiếp Đại Đức **Subhùti**¹⁵ tên là **Nanda**, thuộc dòng tộc Bà la môn. Ngài sanh vào thời kỳ Đức Phật **Padumuttara** xuất hiện trên thế gian, cách kiếp trái đất của chúng ta 100.000 đại kiếp.

Cậu Nanda khi trưởng thành đi xuất gia trở thành Đạo sĩ có nhóm đệ tử gồm có 84.000 vị trú ở dãy núi Himavanta.

Một hôm, Đức Phật Padumuttara ngự đến dãy núi Himavanta, vị Đạo sĩ cùng nhóm đệ tử đến hầu hộ độ cúng dường hoa, trái cây đến Đức Phật.

Đức Phật Padumuttara dạy Đạo sĩ Nanda:

*"Này Nanda, con nên tiến hành tuý niệm Ân Đức Phật (Buddhànussati) là pháp hành cao quý. Do phước thiện mà con đã tiến hành tuý niệm Ân Đức Phật, con sẽ hưởng sự an lạc ở cõi trời dục giới suốt 30.000 đại kiếp trái đất, con sẽ là Đức Vua trời ở cõi Tam thập tam thiên suốt 20 kiếp. Tái sanh ở cõi người con sẽ là Đức Chuyển luân thánh vương 1.000 kiếp, còn làm vua ở xứ lớn không sao kể xiết; trong các kiếp lớn, kiếp nhỏ trong vòng tử sanh luân hồi, con có đầy đủ các thứ của cải quý báu. Tất cả của cải quý báu ấy không bao giờ bị ai chiếm đoạt. Suốt 100.000 đại kiếp, trong vòng tử sanh luân hồi, con sẽ không bị sa vào trong 4 đường ác. Đến kiếp trái đất, có Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, khi ấy con tái sanh trong một gia đình phú hộ, đặt tên là "**Subhùti**". Khi trưởng thành con từ bỏ của cải gồm có 80 triệu đi xuất gia trở thành Tỳ khưu, sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán có **đức hạnh thọ thí** cao quý xuất sắc nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Gotama".*

Đó là lời thọ ký của Đức Phật Padumuttara.

Đạo sĩ Nanda thực hành **niệm Ân Đức Phật** theo lời dạy của Đức Phật Padumuttara, mọi kết quả phát sanh đúng như lời thọ ký của Đức Phật. Đến thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu thân của đạo sĩ Nanda tái sanh gia đình phú hộ Sumana trong kinh thành Sàvatthi, đặt tên là **Subhùti**. Đến khi trưởng thành, từ bỏ gia đình, của cải đi xuất gia trở thành Tỳ khưu, tiến hành thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán cùng với 4 Tuệ phân tích.

Đức Phật tán dương Đại Đức Subhùti có **đức hạnh thọ thí** cao quý xuất sắc nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, đúng theo lời thọ ký của Đức Phật Padumuttara ở quá khứ.

---o0o---

Tích Singàlakamàtatherivatthu

(Chú giải Anguttaranikàya, phần Etadaggavagga, chuyện Singàlakamàtatherivatthu.)

Tiền kiếp mẹ của cậu Singàlaka là cô gái của một vị quan, sanh vào thời kỳ của Đức Phật Padumuttara. Khi cô trưởng thành được phép từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài. Tỳ khuru ni này là một người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo. Do nhờ thiện pháp ấy, trong vòng tử sanh luân hồi suốt 100.000 đại kiếp không bị sa vào 4 đường ác (*địa ngục, atula, ngã quý, súc sanh*).

Thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, cô tái sanh làm con gái của phú hộ ở kinh thành Ràjagaha. Khi cô trưởng thành kết hôn cùng với người con trai của phú hộ, sanh được một người con trai đặt tên là Singàlaka. Do đó, bà có tên gọi là **Singàlakamàtā** = mẹ của cậu Singàlaka.

Về sau, bà đi xuất gia trở thành Tỳ khuru ni, với đức tin trong sạch đặc biệt trong giáo pháp của Đức Phật Gotama; sau khi trở thành Tỳ khuru ni, bà tiến hành đề mục **niệm Ân Đức Phật** (*Buddhànussati*) rồi dùng định tâm của đề mục niệm Ân Đức Phật làm nền tảng, **tiến hành thiền tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán.

Một hôm, Đức Phật tán dương Tỳ khuru ni Singàlakamàtā có **đức tin trong sạch** xuất sắc nhất trong hàng nữ Thanh Văn đệ tử của Đức Phật.

Và còn có nhiều trường hợp tương tự khác.

Đề mục **niệm Ân Đức Phật** là một đề mục dễ làm cho phát sanh đức tin nơi Tam bảo, mà đức tin là nền tảng mọi thiện pháp từ dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp cho đến siêu tam giới thiện pháp.

Như vậy, đề mục **niệm Ân Đức Phật** không chỉ là đề mục thiền định, có khả năng chứng đạt đến cận định, mà còn là **pháp** làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ, dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ uẩn, diệt tận tham ái, phiền não, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo -Thánh Quả và Niết Bàn được. Như Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khuru, có một pháp hành mà hành giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sanh sự nhàm chán trong ngũ uẩn, danh pháp - sắc pháp, để diệt tận tham ái, sân hận, si mê; để làm vắng lặng mọi phiền não; để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Pháp hành ấy là gì?

*Pháp hành ấy chính là **Buddhànussati** = pháp hành tùy niệm Ân Đức Phật.*

Này chư Tỳ khuru, pháp hành tùy niệm Ân Đức Phật, mà hành giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sanh sự nhàm chán trong ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp; để diệt tận tham ái, sân hận, si mê; để làm vắng lặng mọi phiền não; để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn".-- (Anguttaranikàya, phần Ekadhammapàli)

Qua lời giáo huấn của Đức Phật trên, thì đề mục tùy niệm Ân Đức Phật không chỉ là đề mục thiền định, mà còn làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ nữa.

Đề mục tùy niệm Ân Đức Phật có hai giai đoạn:

- **Giai đoạn đầu:** đề mục tùy niệm Ân Đức Phật thuộc thiền định hành giả tiến hành tùy niệm Ân Đức Phật có khả năng dẫn đến sự chứng đạt đến cận định (*phương pháp đã trình bày ở phần trước*).

- **Giai đoạn sau:** Sau khi tiến hành đề mục tùy niệm Ân Đức Phật chứng đạt đến cận định, hành giả cần phải thoát ra khỏi đề mục niệm Ân Đức Phật, dùng tâm cận định của đề mục niệm Ân Đức Phật làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ.

---o0o---

Tiến hành thiền tuệ

Hành giả tiến hành thiền tuệ cần phải có *danh pháp, sắc pháp* hoặc *thân, thọ, tâm, pháp* thuộc *Chân nghĩa pháp (Paramatthadhamma)* làm đối tượng của thiền tuệ.

Như vậy, đề mục tùy niệm Ân Đức Phật làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ như thế nào?

Dựa theo Chú giải Chi bộ kinh, phân pháp một chi, giải về đề mục niệm Ân Đức Phật ấy. Theo chân nghĩa pháp, ai niệm Ân Đức Phật?

- *Đàn ông niệm Ân Đức Phật có phải không? Cũng như vậy đàn bà, chư thiên, phạm thiên niệm Ân Đức Phật có phải không?*

- *Đúng theo chân nghĩa pháp, không có một ai niệm Ân Đức Phật; mà chỉ có đại thiện tâm hợp với trí niệm Ân Đức Phật mà thôi.*

Bây giờ, hành giả tiến hành thiền tuệ có *đại thiện tâm hợp với trí* làm phân sự cận định tâm thuộc *danh pháp*, làm đối tượng thiền tuệ (*trong phần niệm tâm của pháp hành Tứ niệm xứ*) và *sắc pháp* đó là *sắc ý căn (hadayavatthu)* là nơi nương nhờ của *đại thiện tâm hợp với trí* ấy phát sanh. Như vậy, *danh pháp* liên quan với *sắc pháp* này làm đối tượng của thiền tuệ.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của *danh pháp, sắc pháp* ấy, thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp ấy dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Hay một cách khác: hành giả tiến hành thiền tuệ có **đại thiện tâm hợp với trí** làm phận sự cận định tâm, làm đối tượng thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ **đại thiện tâm hợp với trí** ấy thuộc **thức uẩn**.

- Thọ tâm sở đồng sanh với đại thiện tâm ấy thuộc **thọ uẩn**.

- Tưởng tâm sở đồng sanh với đại thiện tâm ấy thuộc **tưởng uẩn**.

- Các tâm sở khác còn lại đồng sanh với đại thiện tâm ấy thuộc **hành uẩn**.

- Sắc ý căn (*hadayavatthu*) thuộc **sắc uẩn** là nơi nương nhờ của **đại thiện tâm hợp với trí** ấy phát sanh.

Ngũ uẩn này là đối tượng của thiền tuệ. (trong phần **niệm pháp** của pháp hành **Tứ niệm xứ**).

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của ngũ uẩn ấy, thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của ngũ uẩn ấy, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Như vậy, gọi là: Niệm Ân Đức Phật làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ.

Như Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khuru, pháp hành tùy niệm Ân Đức Phật mà hành giả đã tiến hành, đã hành thuần thực, chắc chắn dẫn đến phát sanh sự nhàm chán trong ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này; để diệt tận tham ái, sân hận, si mê; để làm vắng lặng mọi phiền não; để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn".

---o0o---

Quả báu đặc biệt niệm Ân Đức Phật

Hành giả tiến hành niệm Ân Đức Phật, trong kiếp hiện tại chưa chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả - Niết Bàn, hành giả sẽ được hưởng những quả báu đặc biệt ngay trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai như sau:

- Được phân đông chúng sinh kính trọng.
 - Thiện tâm trong sạch thanh tịnh.
 - Khi sắp chết, tâm bình tĩnh sáng suốt, không mê muội. Sau khi chết do thiện nghiệp này cho quả tái sanh làm người cao quý hoặc chư thiên cao quý.
 - Tái sanh kiếp nào cũng thuộc hàng chúng sinh cao quý.
 - Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.
 - Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.
 - Thân có mùi thơm.
 - Miệng có mùi thơm tỏa ra.
 - Có trí tuệ nhiều.
 - Có trí tuệ sâu sắc.
 - Có trí tuệ sắc bén.
 - Có trí tuệ nhanh nhẹn.
 - Có trí tuệ phong phú.
 - Trí tuệ phi thường.
 - Nói lời hay có lợi ích...
 - Kiếp vị lai có duyên lành gặp Đức Phật, lắng nghe chánh pháp dễ dàng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn...
- Đó là những quả báu phát sanh từ niệm Ân Đức Phật.

---o0o---

ĐOẠN KẾT

Đức Phật là một Đấng Từ Phụ chung của tất cả mọi người Phật tử là các bậc Xuất gia tu sĩ và các hàng tại gia cư sĩ.

Tất cả chúng ta đều hết lòng tôn kính Đức Phật, để tỏ lòng tôn kính, mỗi người Phật tử cúng dường Đức Phật bằng những phẩm vật quý giá tùy theo khả năng của mình.

Đức Phật dạy cúng dường có hai cách:

- Cúng dường bằng phẩm vật (*amisapùjà*) như: hương, hoa...

- Cúng dường bằng hành pháp (*patipattipùjà*): hành giới, hành định, hành tuệ...

Trong hai cách cúng dường này, Đức Phật tán dương, ca tụng cách cúng dường bằng hành pháp gọi là cao thượng nhất.

Đến khi Đức Phật gần tịch diệt Niết Bàn, Ngài dạy chỉ có **hành pháp** mới thật là cúng dường Đức Phật một cách cao quý nhất.

Như trong bộ Chú giải Pháp cú, tích Đại Đức Attadattha:

Khi Đức Phật truyền dạy cho chư Tỳ khuru được rõ, thời gian tịch diệt Niết Bàn của Ngài không còn lâu.

Chư Tỳ khuru, thường đến hầu hạ Đức Phật với lòng tôn kính yêu thương, riêng Đại Đức Attadattha nghĩ: "*Đức Thế Tôn còn thời gian không lâu sẽ tịch diệt Niết Bàn, còn ta vẫn chưa diệt được tham ái, ta nên cố gắng tiến hành thiền tuệ, chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán khi Đức Thế Tôn còn hiện tiền*". Nghĩ vậy, Ngài ở nơi thanh vắng một mình để tiến hành thiền tuệ, có số Tỳ khuru chê trách Ngài không biết kính yêu Đức Phật. Đức Phật biết rõ, bảo một Tỳ khuru gọi Ngài đến.

Đức Phật bèn hỏi Ngài:

- *Này con, con nghĩ thế nào mà hành động như vậy?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con được nghe biết Đức Thế Tôn không còn bao lâu nữa sẽ tịch diệt Niết Bàn, con cố gắng tiến hành thiền tuệ để chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, trong khi Đức Thế Tôn còn hiện tiền.*

Nghe vậy, Đức Thế Tôn bèn **Sàdhu! Sàdhu! = Lành thay! Lành thay!** Ngài dạy:

"Bhikkhave, yassa mayi sineho atthi, tena Attadatthena viya bhavitum vattati. Na hi gandhàdìhi pùjenta mam pùjenti, dhammànudhammapatipattiyà pana mam pùjenti, tasmà annenapi Attadatthasadiseneva bhavitabbam". (Bộ Dhammapadatthakathà, chuyện Attadatthatheravatthu).

*(Này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru nào có lòng kính yêu Như Lai, Tỳ khuru ấy nên noi gương như Tỳ khuru Attadattha. Thật vậy, những người cúng dường bằng hương hoa v.v... chưa phải là cúng dường Như Lai. Những người tiến hành theo pháp hành thiền tuệ chứng đắc **siêu tam giới pháp**, mới thật là cúng dường Như Lai. Vì vậy, những người khác nên thực hành giống như Tỳ khuru Attadattha).*

Đến khi Đức Phật sắp tịch diệt Niết Bàn, chư thiên các cõi trời mang những đóa hoa trời, hương trời, âm thanh trời... đến cúng dường Đức Phật.

Khi ấy Đức Phật dạy Đại Đức Ànanda:

"Này Ànanda, sự cúng dường những phẩm vật từ cõi trời như thế ấy, chưa phải tỏ lòng tôn kính Như Lai, hay tôn trọng, hay kính yêu, hay cúng dường, hay lễ bái Như Lai.

*Này Ànanda, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ nào theo hành pháp hành thiền tuệ chứng đắc **siêu tam giới pháp**, cung kính thực hành nghiêm chỉnh theo Giới - Định - Tuệ, thực hành theo chánh pháp. người ấy mới thật tôn kính Như Lai, tôn trọng, kính yêu, cúng dường, lễ bái Như Lai một cách cao thượng.*

*Như vậy, này Ànanda, trong Phật giáo này, các con nên học tập rằng: "**Chúng ta nên theo hành pháp hành thiền tuệ, chứng đắc siêu tam giới pháp, cung kính thực hành nghiêm chỉnh theo giới - định - tuệ, thực hành theo chánh pháp**".(Bộ Dīghanikāya, phẩm Mahāvagga, Kinh Mahāparinibbānasutta.)*

* * * * *

Đức Phật là đấng Từ Phụ của tất cả chúng sinh. Để tỏ lòng tôn kính Đức Phật, Đấng Từ Phụ, chúng con cố gắng tinh tấn thực hành theo lời giáo huấn của Ngài, để xứng đáng cúng dường đến Ngài; đồng thời đem lại cho chúng con sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc cao quý; vừa đóng góp vào việc duy trì, bảo tồn Phật giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian, hầu đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh nhất là chư thiên và nhân loại.

Ciram titthatu saddhammo lokasmim Ciram titthatu saddhammo Vietnamratthasmim.

*Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên thế gian.
Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu.*

Tỳ khuru Hộ Pháp

---o0o---

HẾT

¹ *Tái sanh tâm có đủ 3 nhân: vô tham, vô sân, vô si (trí tuệ)*

² *Quyển "Buddha Yin Chê Mu A Chê Piếu" do Bộ Tôn Giáo Myanmar ấn hành.*

³ *Trong chuỗi 108 hột này, mỗi hột có một vị trí "âm" nhất định, hành giả có thể làm dấu màu đỏ ở 9 âm cuối của 9 Ấn Đức Phật: cuối cùng của Ấn Đức Phật thứ nhất là **ham**, vị trí hột số 10; Ấn Đức Phật thứ nhì là **dho** = hột số 22; Ấn Đức Phật thứ ba là **no** = hột số 37; Ấn Đức Phật thứ tư là **to** = hột số 47; Ấn Đức Phật thứ năm là **dù** = hột số 58; Ấn Đức Phật thứ sáu là **thi** = hột số 77; Ấn Đức Phật thứ bảy là **nam** = hột số 92; Ấn Đức Phật thứ tám là **dho** = hột số 101; Ấn Đức Phật thứ 9 là **và** = hột số 108. Như vậy, mỗi khi hành giả tâm niệm mỗi âm, tay lần theo mỗi hột, thấy sai vị trí, nên biết hành sai phương pháp, hành giả có thể bắt đầu trở lại.*

⁴ *5 pháp chương ngại: tham dục, thù hận, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận, hoài nghi.*

⁵ *7 pháp ngủ ngầm trong tâm: ái dục ngủ ngầm, kiếp ái ngủ ngầm, sân hận ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm và vô minh ngủ ngầm.*

⁶ *Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Bốn loài: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh.*

⁷ *Vàsanà= tiền khiên tật này, đối với bậc Thánh Thanh Văn không thể diệt được, dầu là bậc Thánh Arahán. Bậc Thánh Thanh Văn Arahán chỉ có khả năng diệt đoạn tuyệt được 1.500 loại phiền não và 108 loại tham ái mà thôi, nhưng không thể diệt được mọi tiền khiên tật do tích lũy từ vô lượng kiếp ở quá khứ.*

⁸ *Thay đổi kiếp, qua đời, chết.*

⁹ *Chư Phật Độc Giác đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán gọi là Độc Giác*

Phật; nghĩa là tự Ngài chứng ngộ mà không thuyết pháp tế độ chúng sinh khác cũng chứng ngộ như Ngài. Bởi vì, Ngài không chế định được ngôn ngữ để thuyết pháp như Đức Chánh Đẳng Giác.

¹⁰ *5 pháp chủ: tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ.*

¹¹ *Tránh 5 nghề: Nghề buôn bán vũ khí; nghề buôn bán người hoặc súc vật; nghề buôn bán rượu và các chất say; nghề buôn bán các loại thuốc độc sát hại chúng sinh; nghề sát sanh các loài thú để bán thịt.*

¹² *Con đường làm của cải suy đồi: kết bạn với người ác, ăn chơi đàng điếm, uống rượu, chơi cờ bạc. Con đường làm cho phát triển của cải: kết bạn với bậc Thiện trí, không ăn chơi đàng điếm; không uống rượu, không chơi cờ bạc.*

¹³ *Đại kiếp trái đất dịch từ danh từ Pàli "kappa": thời gian kiếp trái đất trải qua 4 a tăng kỳ thành-trụ-hoại-không.*

¹⁴ *Ngoại đạo không có bậc Thánh Arahán thật, gọi là vị Arahán chỉ là cách tôn xưng, cho nên không có oai lực nào cả.*

¹⁵ *Bộ chú giải Anguttaranikàya, phần Etadaggavagga, chuyện Đại Đức Subhitttheravatthu.*